



NO, Monday, August 13, 2018

NHO GIÁO

MỘT TRIẾT LÝ CHÍNH TRỊ

*Tặng làng tôi,
Làng **Phương-Khê**,
nơi đó tôi đã được nghe vang lên
những lời ngám-nga đạo-giáo **Khổng, Mạnh**,*

Soạn-giả giữ bản-quyền

1958

Nguyễn Hiến-Lê

NHO GIÁO

MỘT

TRIẾT - LÝ CHÍNH - TRỊ

人道政為大
Nhân đạo chính vi đại
(Lễ Ký - Ai công vấn)



Nguyễn Hiến Lê

50 Huỳnh tịnh Cửa — Saigon

SÁCH CỦA NGUYỄN HIỂN-LÊ

ĐÃ XUẤT-BẢN :

- Tổ chức công việc theo khoa-học (in lần thứ hai)
Tổ-chức gia-đình (in lần thứ hai)
Hiệu năng : châm ngôn của nhà doanh nghiệp
Kim chỉ nam của học sinh (in lần thứ ba)
BẢY BƯỚC ĐẾN THÀNH CÔNG (in lần thứ hai) (hết)
Đề hiệu văn phạm
Luyện văn (cuốn I — in lần thứ hai)
Nghệ thuật nói trước công chúng (in lần thứ ba).
Thế hệ ngày mai (sắp tái bản)
Huấn luyện tình cảm (in lần thứ hai) (dịch)
Đặc nhân tâm : bí quyết để thành công (in lần thứ 7) dịch
Quảng gánh lo đi và vui sống (in lần thứ ba) (dịch).
Tự học để thành công (in lần thứ hai).
Bây ngày trong đồng Tháp-Mười.
Lịch sử Thế-giới : viết chung với Thiên Giang — 4 cuốn.
(in lần thứ hai)
Đại cương Văn học sử Trung quốc — 3 cuốn.
Sống 24 giờ một ngày — (dịch). (hết)
Muốn giỏi toán Hình học phẳng — (dịch) (in lần thứ tư).
Bí quyết để thi đậu các bằng cấp Trung-học (in lần thứ 2)
Săn sóc cách nào cho sự học con em mau tiến tới ?
Nghề viết văn.
Giúp chống thành công (in lần thứ 2).
Đông kinh nghĩa thực.
Rèn nghị lực để lập thân.
Luyện văn (cuốn II và III).
Muốn giỏi toán Hình học Không gian. (dịch)
Luyện tinh thần. (dịch)
Họ lập nên sự nghiệp cách nào ?
Muốn giỏi toán Đại-số.
Nho giáo : một triết lý chính trị

SẴN IN:

Thời mới, dạy con theo lối mới

ĐƯƠNG SOẠN

Gương danh-nhân I và II

Hương sắc trong vườn văn I và II.

Tìm hiểu con chúng ta.

Nghệ thuật suy-tưởng.

T Ụ A

Từ trước tới nay, ở nước ta những sách viết về đạo Nho thường chỉ chú-trọng đến phương-diện đạo-đức. Theo tôi, Nho giáo là một triết-lý chính-trị trước hết, và trong cuốn này tôi đưng về phương-diện chính-trị để tổng-hợp triết-lý ấy. Tôi không phân-tích— công-việc này cụ Trần Trọng - Kim àm đã rất chu đáo — tôi chỉ ghi những nét chính để độc-giả thấy cái nhất-quán của đạo Nho, và tôi hết sức tránh sự phê-bình chủ quan. Muốn dẫn chứng, tôi phải trích và dịch nhiều câu trong tứ thư, ngũ kinh. Lời dịch của tôi ngược hẳn với lời của cụ Nguyễn Hữu-Tiến trong **Mạnh Tử quốc-văn giải thích**. Cụ dịch cốt cho gọn và giữ được phần nào giọng cổ kính, hầu mong bản dịch của cụ có thể dùng cho trẻ em học thuộc lòng; còn tôi chỉ cần dịch được rõ-ràng và xuôi như lời nói hàng ngày, dù có dài giọng cũng không hại. Để cho công việc đn-loát được tiện, tôi gom tất cả lại ở cuối sách, phần chữ Hán và phần phiên âm của những câu quan trọng đã trích dẫn. Đó là mục đích và cách làm việc của tôi.

Khi soạn sách, ngoài lý-do giúp Độc-giả hiểu thêm Nho-giáo, tôi còn mong trả một món nợ tình-

thần. Tôi đã sống vào một thời mà đạo Nho còn được giảng dạy trong những nơi hẻo lánh ở Bắc Việt và làng tôi là một trong những nơi đó. Mỗi khi ở Hà-Nội về quê, hễ bước chân qua cổng xóm, nghe tiếng é-a bộ Luận-ngữ hay Mạnh-tử là tâm-hồn tôi nhẹ hẳn đi. Mỗi năm hai tháng sống sau lũy tre xanh, tôi phải mục kích hằng ngày những chuyện tranh-giành nhau, vì những nguyên-nhân có khi rất nhỏ mọn, nhưng nhờ gia-phong và chút ít hán học tôi đã sớm tập được tính thanh bạch mà không bị thói đời tiêm nhiễm. Cái ơn giáo-hóa của đạo Nho đó, lớn lên tôi càng thấy nó sâu xa gia-đình tôi mấy đời an bần lạc đạo được là nhờ nó. Nghĩ vậy, nên trên hai chục năm trước, gặp lúc rảnh, tôi đọc tứ thư và ngũ kinh để tìm hiểu Khổng-giáo. Mỗi lần có cảm tưởng gì, tôi thường thưa với một ông bác tôi; người chỉ mỉm cười bảo « Đợi năm chục tuổi, cháu hãy phê-bình cũng chưa muộn ». Lúc đó tôi hơi mắc-cỡ, và tự hẹn năm chục tuổi sẽ tìm hiểu lại đạo Nho. Nay món nợ đã trả, nhưng tôi tự hỏi không biết có còn sớm quá chăng? »

Sài-Gòn ngày 15 tháng 6 năm 1957.

TÍNH-CÁCH CHÍNH-TRỊ CỦA NHO-GIÁO

1. *Nho-giáo là một truyền-thống tin-ngưỡng và triết-lý của Trung Quốc mà Khổng Tử có công hợp-lý-hóa.*
2. *Nho-giáo có tính-cách chính-trị*

1

Trước Khổng Tử đã có đạo Nho, cũng như trước Thích-Ca đã có đạo Bà-La-Môn, trước Giê-Du đã có đạo Dó-Thái.

Đại loại đạo Nho hời nguyên-thủy gồm những điểm chính dưới đây :

— Vũ-trụ mới đầu là một cuộc mờ-mịt chứa một cái « lý » linh-diệu gọi là Thái - cực, Thái - cực biến-hóa ra thành âm và dương, rồi âm dương biến-hóa mãi ra thành vạn vật.

— Ở trên cả có Trời rồi tới quỷ thần, dưới quỷ-thần là người. Trời như một ông vua coi mọi

Nho giáo một triết lý chính-trị

việc ở trần-gian, cho nên mới gọi là Đê, là Thượng-Đê.

— Người được bẩm-thụ tính của Trời cho nên thiên-đạo và nhân-sự quan-hệ mật-thiết với nhau ; mà việc gì hợp với thiên-lý là phải, trái với thiên-lý là sai. Thiên-lý là lẽ phải, cho nên ý của dân hợp với lẽ phải tức thị là ý của Trời.

— Người phải thờ phụng Trời và cúng quý thần, nhưng chỉ có Thiên-tử — người thay Trời trị dân — mới được tế Trời, còn chư-hầu thì tế thần bốn phương và thường dân thì tế tổ-tiên trong nhà.

— Xã-hội là một xã-hội phong-kiến rất có trật-tự, ở trên có nguyên hậu — sau gọi là Thiên-tử — rồi tới các vua chư-hầu, dưới nữa là các đại-phu, kẻ sĩ và thường dân. Chính trong giai-cấp đại-phu và sĩ đó xuất-hiện bọn nho : họ đều giỏi văn-chương và lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), làm cố-vấn cho giai-cấp trên tức Thiên-tử và vua chư hầu. Tư-tưởng của họ có tính-cách rất thực-tế — vì họ là quan-liêu — gom lại thành một học thuyết mà Khổng-Tử có công sắp-đặt, hợp-lý-hóa, phát-huy trong những lời giáo-huấn cùng sách của ông.

Những sách này gồm sáu bộ : Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc, Xuân-Thu (1), thì năm bộ trên đều là công-

(1) Sau vì mất-mát đi nhiều, Kinh Nhạc chỉ còn có một thiên phụ vào kinh Lễ, thành-thư còn lại năm kinh : Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân-Thu.

Tình cách chính trị của Nho giáo

trình sưu-tầm và chú thích : Kinh Dịch do Văn-vương đời Chu diễn ra khi bị giam ở ngục, sau Chu-công cắt nghĩa vắn-tắt, rồi Khổng-Tử lấy những sự thiết-thực mà giải-thích cho thêm rõ-ràng ; Kinh Thư chép những điển, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh, tức những tài-liệu về chính-trị và sử từ đời Nghiêu, Thuấn đến đời Đông Chu, không thêm bớt chút gì ; Kinh Thi là một tập sưu-tầm tuyển lựa những bài ca, bài dao từ đời thượng-cổ đến đời vua Bình-Chương nhà Chu ; kinh Lễ và Nhạc chép lễ nghi và nhạc của các đời trước.

Chỉ riêng Kinh Xuân Thu có thể coi là một công trình sáng-tác của Khổng-Tử ; nhưng thực ra phần sáng tác rất ít, vì Kinh đó là một bộ sử biên-niên, giá-trị về tư-tưởng chỉ ở chỗ nó ngầm chứa một chủ-trương về chính-trị, tức chủ-trương chính danh, định phận,

Vậy lời của Khổng-Tử : « *Ta thuật đạo cổ nhân mà khặng sáng-tác gì mới* » (a) (1) *Luận-ngữ*—(*Thuật nhi*) (1) không phải chỉ là một lời nói nhũn ; mà Herlee Glessner trong đoạn dưới đây đã định được đúng địa-vị của Khổng-Tử trong Nho-Giáo

(1) Những tự mẫu a, b, c, này chỉ phần chữ Hán và phần phiên ở cuối sách.

(2) Tên trước chỉ sách, tên sau chỉ chương hoặc thiên.— Ở sau cùng vậy.

Nho giáo : một triết lý chính-trị

« Khổng-Tử chỉ là người cuối cùng và tài giỏi nhất trong số các nhà đó (tức các nho-gia đời Chu). Một phần do ông xuất-hiện vào cuối thời-kỳ thứ nhất của truyền-thống nho-giáo và do ông tóm-tắt truyền-thống đó cho nên ông thành một đại-biểu danh-tiếng cho Nho-giáo. (...) Hầu hết những điểm trong triết-ly Khổng-Tử đều do phái nho-gia sinh trước ông để lại » (1)

Tóm lại, Khổng-ử đã tập kỳ đại thành đạo của người trước. Đó là một điều ai cũng công-nhận, và ta phải luôn-luôn nhớ khi tìm hiểu Nho-Giáo. Nếu quên rằng Nho-giáo là một truyền-thống tín-ngưỡng và triết-ly của một dân-tộc mà cứ tưởng nó hoàn-toàn là tư-tưởng của một nhà sáng-lập, thì ta sẽ không nhận được tại sao nó không có tính-cách tôn-giáo mà lại ảnh-hưởng rất mạnh, không kém một tôn-giáo, tới hàng chục, hàng trăm triệu người trong mấy ngàn năm như vậy được.

2

Điều như nì mà tôi muốn đặc-biệt nhấn mạnh là tính-cách chính-trị của Nho-giáo. Nhiều học-giả, xét về Nho-giáo, coi những tư-tưởng chính-trị trong đạo ấy là kết-quả của những tư-tưởng triết-ly và

(1) Chinese thought, from Confucius to Mao Tse-tung — The University of Chicago Press, 1953.

đạo-đức. (1) Tôi không bảo rằng kiến giải đó sai, vì chính-trị Nho-giáo quả thực đặt cơ-sở trên đạo-đức ; nhưng tôi nghĩ đạo-đức Nho-giáo có mục-đích chính-trị và Nho-giáo dùng chính-trị để gây đạo-đức, cho nên phải đặt vấn-đề ngược lại, coi phần chính-trị là phần quan-trọng nhất trong đạo Nho, mà những quan - niệm về giáo-hóa, về học-vấn, về cách thao-thủ... là kết quả của những tư-tưởng chính-trị, thì mới là thấu cái thâm ý của đạo Nho, mới thấy được chân tướng của nó.

Trong cuốn này tôi đặt lại vấn-đề như vậy để tìm hiểu đạo Nho. Trước hết tôi xin chứng-minh tính-cách chính-trị của Nho-giáo đã.

Trong đoạn trên tôi đã nói những nho-gia đầu tiên xuất hiện trong giai-cấp quan lại (nhất là trong giới sử quan), thông văn-chương và lục nghệ, cho nên tư-tưởng của họ rất thực-tế, nhằm mục-đích an dân tế thế, tức mục-đích chính-trị.

Xét ngũ kinh của Khổng-Tử thì trừ Kinh Thi ra, Kinh nào cũng có mục-đích chánh là dạy về chính trị ; mà ngay trong Kinh Thi, ý-tưởng chính-trị cũng tiềm-tàng, có khi lộ-liếu (*Đại Nhã, Tiểu Nhã*). Xét tứ thư, thì Đại-học là sách dạy cách sửa mình để bình

(1) Chẳng hạn Trần-Trọng-Kim, trong 140 trang bản về đạo Khổng-chỉ đề ra 15 trang cuối xét tư-tưởng chính-trị, sau khi đã phân tích tỉ-mỉ quan-niệm quân-tử và tiểu nhân, sự học vấn và cách thao-thủ của người quân-tử, sự giáo hóa của Khổng-giáo. Cối trong NHỎ-GIÁO quyển thượng của Tân-Việt xuất-bản, in lần thứ ba.

Nho giáo một triết lý chính trị

thiên-hạ », còn ba bốn cuốn kia bàn về chính-trị cũng rất nhiều. Chẳng riêng gì Nho-giáo, đến Lão-giáo, Mặc-giáo... cũng có tính cách chính-trị. Đó là một ảnh hưởng của hoàn-cảnh : thời Xuân Thu và Chiến-quốc là thời loạn, nên triết-gia nào cũng muốn cứu loạn mà cứu loạn thì chính-trị là gấp nhất, dù là chính-trị xây-dựng trên quan-niệm đạo đức hay trên một quan-niệm nào khác.

Những ông thánh của Nho-giáo, không phải là những nhân-vật lý-tưởng — có khi thần bí — xuất thế hoặc nhân-nhục hy-sinh cho nhân-loại, mà đều là những vị xử thế, và làm chính-trị, tức như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ, Chu-Công, Khổng-Tử, Mạnh-Tử.

Quan-niệm về Trời và người của Nho-giáo cũng rất đặc-biệt. Người Trung-hoa cho Trời là ông vua của vũ-trụ, nên gọi Trời là Đế, là Thượng-Đế, như trên tôi đã nói, và cho loài người là dân của Trời. Quan-niệm đó hiện rất minh bạch trong câu : « Đức Thượng-Đế rất lớn, soi xuống rất rõ ràng ; xem xét bốn phương để tìm nỗi khốn-khở của dân mà cứu giúp » (b) (Thi). Độc-giả nhận thấy câu đó dùng chữ *dân*, chứ không dùng chữ *nhân* là người. Trong ngũ kinh, rất ít khi ta gặp chữ *nhân* mà thường thấy chữ *dân* : « Trời sinh dân đó », « Trời yêu dân lắm » « Cái đạo của đại học ở chỗ làm sáng cái đức sáng, ở chỗ

thân yêu dân », « *hồi xưa dân cỏ ba tật* ». Sách *Tả truyện* cũng viết : « *Trời sinh dân mà đặt ra vua để làm lợi cho dân* » (*Văn công năm 13*) « *Trời sinh dân mà đặt ra vua, sai các quan chăn nuôi dân* » (*Tương công năm 14*) Cơ-hồ quan-niệm : Trời là vua, người là dân, cũng là một quan-niệm truyền thống, đặc-biệt của dân tộc Trung-hoa.

Đạo-đức, theo Nho-giáo, có mục-đích chính-trị, tức như ý trong những câu « *Hiếu là để thờ vua* » (**c**) (*Đại học*), « *Đạo người thì chính trị là lớn* » (**d**) (*Lễ ký-Ai công vấn*), nhất là trong đoạn đầu *Đại học* : (**e**).

« Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước phải trị nước mình ; muốn trị nước mình thì trước phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình thì trước phải sửa thân mình ».

Nghĩa là tu thân là để tề gia, rồi trị quốc và bình thiên hạ, rút cục là để làm chính trị. Vì có quan-niệm đó, cho nên các nhà Nho đều cầu được làm chính-trị : Khổng-tử bốn ba non hai chục năm, chu du các nước tìm một ông vua biết dùng mình để hành đạo, gần bảy chục tuổi mới thất vọng, về Lỗ soạn sách và dạy học ; còn Mạnh-Tử cũng đi khắp Tề, Lương, Tống, Đằng, đem tài hùng-biến thuyết-phục các vua, không được dùng mới về nhà, cùng với học-trò trước-tác.

Năm điều vừa kể đủ chứng rằng Nho-giáo là một

Nho giáo Một triết lý chính trị

triết-ly chính-trị trước hết. Trong những chương sau, tôi sẽ lần lượt xét quan-niệm về

- Vũ-trụ,
- Quân-chủ,
- Xã-hội
- Chính-trị

của Nho-giáo trong thời kỳ mà học-thuyết chưa bị sai lạc đi nhiều, nghĩa là từ Tuân-Tử trở về trước.

VŨ-TRỤ THEO NHO-GIÁO THƯỢNG-ĐẾ, THẦN và NGƯỜI

- 1.— *Vũ trụ*
 - 2.— *Thượng Đế*
 - 3.— *Quỷ Thần*
 - 4.— *Người.*
-

1

Người Trung-Hoa ít bàn về sự sáng-tạo thế-giới.

Quan-niệm rất đơn-giản về vũ-trụ mà ở đầu chương trên tôi đã chép, tức quan-niệm lý Thái-cực biến-hóa ra âm dương, âm dương biến hóa ra vạn vật, tới thời Khổng Tử vẫn không được phát-huy thêm chút gì. Chẳng những vậy, Khổng Tử còn có ý cho rằng bản-thể của lý Thái-cực huyền vi quá ở ngoài phạm-vi trí-thức của người thường, nên ông không xét tới mà chỉ chú-trọng tới động-thể của nó, tức luật

Nho giáo : một triết lý chính trị

biến-hóa của trời đất, tức luật Dịch. Ông thấy đạo Dịch chi phối vạn vật, phù hợp với sự thực : « *Dịch là không xa sự thực, mà đạo Dịch là biến đổi luôn-luôn, không ở nhất-định chỗ nào, lưu-truyền khắp cả vũ-trụ* » (*Dịch-Hệ từ hạ*) (a). Ông lại nói « *Một mở một đóng, gọi là biến, qua lại không ngừng gọi là thông* » (*Dịch-Hệ từ thượng*) (b).

Bỏ cái bản-thể mà nghiên-cứu cái động-thể của lý Thái-cực là một quan-niệm rất thực-tiên — có thể nói là hợp-lý nữa — và là khởi-điểm cho thuyết tùy thời của đạo Nho.

2

Ở trong vũ-trụ, giữ ngôi cao hơn cả là Thượng-Đế. Loài người có hai quan-niệm về Thượng-Đế : quan niệm thứ nhất, là Thượng-Đế sáng tạo ra thế-giới, quan niệm thứ nhì là Thượng-Đế thống-trị thế-giới. Do-Thái giáo theo quan-niệm trên, Nho-giáo theo quan-niệm dưới, cho Thượng-Đế là một ông vua mưu hạnh-phúc cho dân.

Nhưng Thượng-Đế của Nho-Giáo xa cách dân hơn là Thượng-Đế của Do thái-giáo. Trước hết, ở Trung Quốc, những phép tắc đều do các hiền-triết đặt ra, chứ không do Thượng-Đế ban, như mười mệnh-lệnh của đạo Do-thái là của Thượng-Đế truyền cho

Moise ở trên núi Sinai. Sau nữa, tuy Thượng-Đế làm chủ-tể muôn dân, mà chỉ có Thiên-tử được tể Thượng-Đế, còn thường dân chỉ được thờ tổ tiên trong nhà. Lệ đó có từ đời Chu. Mỗi năm, ngày đông-chí, Thiên-tử làm lễ tế trời ở trên một đàn tế hình tròn, và ngày hạ-chí làm lễ tế đất ở trên một đàn tế hình vuông. Sách *Lễ-ký* thiên *Khúc-lễ hạ* chép « Thiên-tử tế trời đất, tế bốn phương, tế núi sông, tế ngũ tự tức thần cửa, ngõ, giếng, bếp và ở giữa nhà Chu hầu tế núi sông phương mình ở, tế ngũ tự ; quan đại phu tế ngũ tự, kẻ sĩ tế tổ-tiên. » (c)

Sự quy-định nghi-thức tế Thượng-Đế như vậy là một đặc-điểm của đạo Nho mà kết-quả rất quan trọng. Nếu cho nhân-dân được lễ bái Thượng-Đế thì đạo Nho có lẽ đã thành một tôn-giáo như đạo Do-Thái, đạo Hồi Hồi, mà quân-chủ của Trung Quốc cũng thành một tăng-quan tối cao rồi. Nhờ thái độ « kính nhi viễn chi » đó đối với Thượng Đế mà hệ thống chính-trị Trung Quốc giữ được tính-cách đạo-đức thuần-tuý và phi tôn-giáo.

3

Ở dưới Thượng-Đế là các vị thần, tức thần bốn phương, thần núi, sông, thần ngũ tự nói trong *Lễ-ký*. Địa vị của những thần đó rất kỳ dị. Trong các bài văn tế, ta thấy Thiên-tử đối với Thượng-Đế

tự xưng là thần (bày tôi) mà đối với quý thần tự xưng là trẫm, nghĩa là cho quý thần ngang hàng với mình hoặc dưới mình.

Chẳng những kém vua, hạng quý thần đó cơ hồ còn kém cả thường dân nữa.

Tả truyện chép lời của Quý Lương nước Tùy « Nhân dân là chủ của thần; cho nên vua Thành hời xưa lập dân trước hết, rồi sau mới nhờ đến sức của thần ». (Hoàn công lục niên) và lời của Sử-Ngân nước Quắc : « Thần thông-minh chính-trực mà chuyên nhất thì dựa vào người mà hành-dộng » (Trang-công tam thập nhị niên).

Những quý thần ấy, chỉ Thiên-tử, vua chư-hầu và các đại phu mới được tế, còn thường dân cũng chỉ được phép « kính nhi viễn chi », cho nên Khổng Tử không giảng về quý thần với môn đệ (Luận-ngữ — Thuật-nhi), và trả lời một người hỏi về phép thờ quý thần, ông đáp : « Chưa thờ được người, thờ thế nào được quý thần ? » (Luận-ngữ—Tiên tiến). (d)

Dân thường chỉ có quyền được thờ tổ-tiên, mà sự thờ phụng tổ tiên là bổn-phận của mọi người, từ Thiên tử trở xuống. Mỗi năm, Thiên-tử tế Thượng Đế thì cũng đồng thời tế tổ-tiên. Lễ ký chép : « Bực vương giả tế Thượng-Đế (...) và đem tổ-tiên của

mình cúng chung vào ». Trung-Dung cũng có câu : « *Thờ khi chết như thờ khi sống, thờ khi mất như thờ khi còn, đó là chí hiếu vậy* » (e) (Chương 19). Ta có thể nói, đối với người theo đạo Nho, sự tể-lễ tổ tiên quan-trọng hơn hết thảy những tể-lễ khác.

Nho giáo tin rằng tổ-tiên phù-hộ được con cháu, tức là tin linh-hồn bất diệt, cho nên nói « *Ba vua ở trên trời* ». (f) Ba vua đó là ba ông tổ nhà Chu : Vương Quý, Văn Vương và Vũ-Vương; lại nói : « *Vua Văn-Vương lên xuống ở bên tả bên hữu Thượng Đế* ». (g)

Nhưng Khổng-Tử không muốn bàn về những vấn-đề thần-bí đó, chỉ khuyên người ta vụ thực-tế ở đời. Có lần học trò của ông là Tử-Cống hỏi ông « *Chết rồi có biết gì nữa không ?* », ông đáp « *Nếu ta nói chết rồi mà còn biết thì sợ con cháu hiếu thảo sẽ liều chết để theo ông, cha ; nếu nói chết rồi là hết biết, thì sợ con cháu bất hiếu sẽ không chôn cha mẹ. Chết rồi, còn biết hay hết biết, đó không phải là điều cần-kíp, đợi sau rồi sẽ rõ* ». (Khổng-Tử gia ngữ—Trí tư) Trong Lễ-ký Đán-cung-Thượng ông lại nói « *Cho người chết là mất hẳn, không biết gì nữa là bất nhân, không nên theo. Cho người chết là còn biết như lúc hãy còn sống, là bất-trí, không nên theo* ». (h) Ở đó ta lại nhận thấy ông muốn bỏ bớt những tín-nguỡng đi để hướng đạo Nho đến chỗ thuần-lý.

Ông không bảo người ta đừng cầu nguyện, nhưng ông có ý khuyên rằng cách cầu-nguyện quý-thần có hiệu-quả nhất là ăn ở cho phải đạo làm người. Khi ông đau nặng, học-trò của ông là Tử-Lộ muốn xin cầu nguyện quý thần để ông mau khỏi, ông đáp « *Ta cầu nguyện đã lâu rồi* » (1) (i) (*Luận-ngữ — Thuật nhi*). Theo tôi, câu đó nghĩa là suốt đời ông theo lẽ phải, như vậy là cầu nguyện rồi và nghĩa đó hợp với nghĩa câu « *Phải tội với trời thì không cầu nguyện vào đâu được* ». *Luận-ngữ — Bát dật*). (j).

Tuy-nhiên, ta không thể căn-cứ vào đó mà bảo ông không tin có quý thần. Ông tin, nên mới rất thành kính trong việc tế lễ, song hình như ông cho rằng vấn-đề thần-bí đó không thể dùng trí óc để hiểu được, tốt hơn là đừng bàn tới.

4

Nho-giáo cho người là con cưng của Trời. Sách *Thượng Thư*, thiên *Thái-thế* chép « *Chỉ có trời đất là cha mẹ của vạn vật, trong vạn vật người là linh hơn cả.* » Loài người bao giờ cũng tự tôn mình như vậy, chẳng riêng gì dân-tộc Trung Hoa ; chỗ đặc-biệt của Nho giáo là ở ba quan-niệm dưới đây về người

(1) « Khâu chi đảo cừu hỷ ». Lâm Ngữ Đường dịch là « Ta nguyện đã được một lúc lâu rồi ».

— Loài người sinh ra để làm dân. Tuy linh hơn cả vạn vật, nhưng « loài người có lòng dục, không có chủ thì loạn », cho nên phải có người trên cai-trị, phải có quốc-gia, và người thường nào cũng phải là người công dân vì vậy, như tôi đã nói, trong tứ thư, ngũ kinh, chữ dân 民 thường dùng thay cho chữ nhân 人.

— Trời và người quan-hệ với nhau rất mật thiết. Về điểm này, Trần Trọng Kim xét rất đúng. Ông viết :

« Từ đời Thương-cổ, người Tàu đã có cái tư tưởng cho người ta sinh ra, ai ai cũng bẩm thụ cái tinh của Trời. Cái tinh ấy tức là một phần thiên-lý. Vậy trời với người quan-hệ với nhau rất mật thiết lắm. Bởi thế mới lấy phép tắc-tự-nhiên của trời làm cái mô-phạm của người và cho thiên-luân là nhân-luân, thiên-đạo là nhân-đạo. Kinh Thi nói rằng « Thiên sinh chúng dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bình di, hiếu thị ý đức » « Trời sinh ra dân, có hình phép, dân giữ tính thường, muốn có đức tốt » (1)

— Ý trời và lòng người là một. Do quan-niệm người nào cũng bẩm thụ một phần thiên-lý, mà có quan-niệm thiên ý dân tâm là một. Thương Thư — Cao-Đạo mô — nói : « Trời nhìn tự dân ta nhìn, trời nghe tự dân nghe ta » (k) ; Đại-vũ mô cũng

(1) Nho-giáo. Sách đã dẫn

Nho giáo : một triết lý chính trị

nói : « *Sự sáng-suốt của Trời hiện ra ở sự sáng-suốt của dân* » (1). Vì ý dân khi sáng-suốt, tức thị là ý trời cho nên mới có câu « *Dân muốn cái gì, Trời cũng theo* ». (*Thượng Thư Thát-Hệ thượng*) (m)

Do đó, vua phải bỏ cái lợi của mình mà theo cái lợi của dân. Tả truyện (*Văn công thập tam niên*) chép vua Văn-công nước Chu bói việc di cư sang đất Dịch, được một quẻ lợi cho dân, nhưng bắt lợi cho tính-mang ông mà ông cũng nhất-định di-cư. Các quan can, ông đáp « *Lợi cho dân là lợi cho ta. Trời sinh dân rồi lập ra vua để làm lợi cho dân (...) Mạng Vua ở chỗ nuôi dân, còn việc thọ yếu là thời vận. Nếu di-cư mà có lợi cho dân thì không còn gì tốt bằng nữa* ».

Quan-niệm đó là một trong những quan-niệm chủ-yếu của Nho-giáo, hạn chế quyền của quân chủ và quyết-định một phần lớn chính sách chính-trị của Nho-giáo như sau này ta sẽ biết.

QUỐC-GIA THEO NHO-GIÁO

- 1.— Trời đặt ra Vua để làm lợi cho dân.
 - 2.— Vua có ba cách nhận quyền.
 - nhận quyền do Vua trước nhường lại.
 - nhận quyền của cha truyền lại.
 - nhận quyền do cách-mạng.
 - 3.— Trách-nhiệm của vua.
 - 4.— Tư cách của vua.
 - 5.— Bồn-phận của vua.
 - 6.— Bồn-phận của đại-phu và kẻ sĩ.
-

1

Trời đã coi dân là con cưng thì tất cầu hạnh-phúc cho dân, muốn vậy phải nuôi dân, bảo-hộ dân và giữ trật-tự cho dân khỏi loạn.

Về việc nuôi dân, Trời có thể tự đảm-đương : tạo ra các loài vật, cây cỏ để dân dùng mà thỏa mãn nhu cầu, điều hòa mưa gió, khí-hậu cho dân...; còn về việc bảo hộ, giữ trật-tự cho dân, Trời không thể làm lấy,

Nho giáo : một triết lý chính trị

phải giáng-sinh quân chủ để thay Trời giúp dân. Trong kinh *Thư*, ta thấy nhiều câu diễn ý đó :

— « *Trời sai người thay mình* » (a) (*Cao-đạo mô*)

— « *Trời giúp dân, đặt ra vua, đặt ra thầy để giúp Trời mà yêu mến bốn phương* » (b) (*Thái-Thê*)

Vậy vua là đại-biểu của Thượng-Đế ở trên đất, làm trung gian giữa Thượng Đế và nhân dân. Người Trung-Hoa gọi là Thiên-Tử, tức có nghĩa đó-chức không có nghĩa Vua là con của Thượng Đế về phương diện nhục-thể.

2

Nhưng Trời lựa người và trao quyền ra sao ? Nói cách khác, ông vua nhận quyền trị dân bằng cách nào ? Theo Nho-giáo có ba cách chính đáng :

— nhận quyền do vua trước nhường lại,

— nhận quyền do cha truyền lại,

— nhận quyền do cách-mạng.

Mạnh-Tử đã giải thích rõ-ràng ba cách đó trong thiên *Vạn Chương*. Học trò của ông là Vạn-Chương hỏi :

— « *Vua Nghiêu lấy thiên hạ cho vua Thuấn, việc ấy có không ?*

Ông đáp

— Không, Thiên-Tử không thể lấy thiên hạ cho người khác được.

— Vậy vua Thuấn được thiên hạ là do ai cho ?

— Do Trời cho.

— Trời cho, nghĩa là bảo rõ ràng ra hay sao ?»

Câu đó rất quan-trọng, có ý hỏi Thượng-Đế của Nho-giáo, có trực tiếp ra mệnh-lệnh như Thượng-Đế của Do Thái giáo không, và Nho giáo có phải là một tôn giáo hay không.

Mạnh-Tử đáp :

— « Không, Trời không nói, Lấy hành vi và sự nghiệp mà tỏ ra thôi. (c)

Vạn Chương lại hỏi

— Lấy hành vi và sự-nghiệp mà tỏ ra là làm sao ?

— Thiên-tử có thể tiến cử một người nào với Trời, không thể buộc Trời đem thiên hạ cho người đó được, cũng như chư hầu có thể tiến cử một người nào với Thiên tử mà không thể buộc Thiên tử cho người đó làm vua chư hầu được, cũng như đại-phu có thể tiến cử một người nào với vua-chư hầu mà không thể buộc vua chư hầu cho người đó làm đại phu được.

Xưa vua Nghiêu tiến-cử ông Thuấn với Trời mà trời nhận, giới-thiệu với dân mà dân nhận, cho nên tôi bảo Trời không nói, chỉ lấy hành-vi cùng sự-nghiệp mà tỏ ra thôi.

Nho giáo : một triết lý chính trị

Vạn-Chương lại hỏi

— *Tiền cử với Trời mà trời nhận, giới thiệu với dân mà dân nhận là làm sao ?*

Đáp

— *Sai người đó làm chủ tế mà bách thần hưởng, thế là Trời nhận sai người đó chủ trương công-việc mà việc thành, trăm họ, vừa ý, thế là dân nhận. Ông Thuấn giúp vua Nghiêu hai mươi tám năm (...), khi vua Nghiêu băng, đoạn tang ba năm, ông Thuấn lánh con vua Nghiêu mà ra ở phía nam Nam-Hà, thiên-hạ chư hầu không theo con vua Nghiêu mà theo ông Thuấn (...), cho nên mới gọi là Trời cho (...). Còn như nếu xâm chiếm cung vua Nghiêu, bức ép con vua Nghiêu thì gọi là cướp ngôi, chứ không gọi là trời cho được*

Việc nhường ngôi đó có đúng sự thực không, đó là vấn-đề khác ; đây tôi chỉ xét quan-niệm nhường ngôi của Nho-giáo thôi. Quan-niệm đó rất rõ-rệt. Thiên tử không thể lấy ngôi báu làm của riêng, không thể nói như vua Louis Thập tứ « Quốc-gia là ta », và khi nhường ngôi cho ai thì phải trọng ý-chí của dân, mà ý-chí của dân tức là ý-chí của Trời.

Muốn được trao ngôi thiên-tử theo cách đó, cần bốn điều-kiện

— có tài đức, như vua Thuấn nổi tiếng là có hiếu, vua Vũ có công trị thủy trong chín năm.

— có kinh nghiệm trước khi được làm Thiên tử, ông Vũ đã làm tể tướng 17 năm, ông Thuấn làm tể-tướng 28 năm.

— được chư-hầu và nhân-dân ngưỡng-mộ, như ông Thuấn, ông Vũ. Ba kiêu-kiện ấy đều hợp-lý, nhưng chưa đủ, và người ta có thể hỏi rằng tại sao một người như Khổng-Tử có những điều kiện ấy mà không được Trời trao ngôi thiên-tử. Để đáp câu ấy, Mạnh Tử thêm điều kiện thứ tư

— được một thiên tử tiến cử với Trời.

Vậy Khổng-Tử sợ dĩ không được ngôi vua, là vì không có thiên tử nào tiến-cử ông.

Đó là cách thứ nhất, cách nhận ngôi do vua trước nhường lại cho.

o o o

Cách thứ nhì là nhận ngôi do cha truyền lại. Cách này có vẻ như không hợp lý, Mạnh-Tử phải giải-thích

Vạn Chương hỏi ông

— Có người nói rằng tới vua Vũ thì đực suy, cho nên vua Vũ không truyền ngôi cho người hiền nữa mà truyền cho con, điều đó có không ?

Mạnh Tử đáp

— Không. Không phải vậy. Trời trao ngôi cho

Nho giáo một triết lý chính trị

người hiền thì ngôi về người hiền, trao cho con thì ngôi về con.

Đại ý Mạnh-Tử giảng rằng vua Vũ có tiền-cử một đại-thần là ông Ích với Trời, nhưng khi ông Vũ băng rồi, dân không theo ông Ích mà theo con của ông Vũ, là ông Khải, cho nên ngôi mới về ông Khải, mà sở dĩ vậy vì hai lẽ

— ông Ích mới làm tể tướng cho ông Vũ được ít năm (7 năm), thi ân cho dân chưa được lâu, dân chưa tin nhiệm.

— ông Khải nổi tiếng là hiền, kế-thừa được đạo của cha.

Vậy, Thiên tử muốn tự ý nhường ngôi cho con đã không được mà muốn nhường cho người ngoài cũng không được nữa. Muốn nhường phải thuận ý dân, thuận ý Trời. Cho nên Khổng Tử nói: « Các đời Đường, Ngu thì truyền ngôi, các đời Hạ, Hạo, Ân, Chu thì nối ngôi, ý nghĩa như nhau » (*Mạnh Tử-Vạn Chương*). (d)

o o o

Cách thứ ba là do cách-mạng mà nhận ngôi, như vua Thang giết vua Kiệt, vua Vũ diệt vua Trụ, hai ông đó thay Trời trừ bạo chúa nên được làm Thiên-tử. Cách này cũng vẫn là hợp lý nếu đủ ba điều-kiện như sau :

— Phải theo ý dân. Dân phải tỏ lòng oán chính

Quốc gia theo Nho giáo

sách tàn ngược của bạo chúa và mong mỗi người giải phóng ; như khi vua Thang thảo phạt vua Kiệt, thì nhân dân đâu đâu cũng ta thán : « Vua (tức vua Kiệt) không thương chúng ta, bỏ việc ruộng nương của chúng ta mà chính-trị thì bạo ngược» (Thư—Thang-Thệ). Về việc vua Vũ diệt Trụ, Thư — Thái Thệ cũng chép : « Vua Trụ tự tuyệt với Trời mà kết oán với dân ».

Vua tuy là thay Trời, nhưng khi đã không làm tròn nhiệm-vụ, lại tàn bạo, thì không phải là vua nữa, mà là một tội nhân, cho nên Mạnh-Tử nói « Nghe nói giết một kẻ tên là Trụ, chứ chưa nghe nói giết vua» (e) (Lương-Huệ Vương).

— Phải theo mệnh Trời, nghĩa là phải tin rằng việc mình làm thuận ý Trời, như khi vua Thang giết Kiệt, có nói « Đạo Trời giáng tới ương cho Kiệt để tỏ rõ tội hắn (...) ta theo mệnh Trời mà tỏ rõ uy của Trời, nên không dám tha hắn». (Thư—Thang cáo). Vũ-Vương khi giết Trụ cũng nói : « Trời nổi giận, sai ta xét tội của Trụ, ta phải kính sợ mệnh lệnh và uy của Trời » (Thư—Thái Thệ) ; lại nói : « Tội Trụ đã đầy, mệnh Trời là giết hắn đi: nếu ta không thuận ý Trời thì tội cũng như hắn » (Thư—Thái Thệ). Mệnh Trời đó hiện trong ý dân và trong những tai ương Trời giáng cho quốc gia nào có bạo quân, như núi đổ, sông lụt, sấm to, bão lớn...

— Phải là người có đức, được dân tín-nhiệm

như vua Thang trước khi khởi quân diệt vua Kiệt đã nổi danh là khoan-đại, nhân nghĩa ; vua Vũ trước khi giết vua Trụ cũng được tiếng là người hiền.

Có đủ ba điều kiện ấy mà giết vua thì là *cách-mạng* (nghĩa cũ là đổi mệnh vua) và được lên ngôi thay.

x^xx

Ba cách đó tuy đều hợp lẽ, nhưng cách thứ ba bị nhà Nho chê là thấp hơn cách thứ nhất. Khổng Tử so-sánh nhạc vũ của Vua Vũ với nhạc triều của vua Thuần, có câu : « *Nhạc thiên tận mỹ, tận thiên, nhạc vũ tận mỹ mà chưa được tận thiên* » (f) (*Luận ngữ—Bát dật*) là có ý cho rằng đức độ và chính sách của vua Thuần (người được nhường ngôi) cao hơn đức độ và chính sách của vua Vũ (người diệt Trụ mà lên ngôi) Theo ông, đức độ và chính sách của nhà cầm quyền ra sao thì hiện rõ trong nhạc như vậy.

3

Thiên-tử thay Thượng-Đế mà cai-trị, giáo-hóa nhân dân thì tất phải chịu hết trách-nhiệm với ; Thượng-Đế, dân dù phạm tội cũng vẫn không có lỗi ; lỗi hoàn toàn về phần Thiên-tử. Đó là ý nghĩa trong đoạn : « *Nước mà loạn là tội của Trẫm, riêng Trẫm chịu phạt* » (g) (*Thượng Thư—Bàn Canh*) và trong câu : « *Vạn dân có tội là tại một mình ta, cho nên một*

mình ta chịu tội, không luy gì đến vạn dân cả » (Thượng-Thư — Thang-cáo) (h).

Nho giáo còn tiến lên một bước, cho rằng Thiên Tử làm tròn trách nhiệm thì cũng không có công gì cả. Thượng Thư—Bàn Canh nói « Nước mà bình trị là công của dân ». (i) Người dân trong Nho-giáo quả thực là con cưng của Trời mà Thiên-tử trong Nho-giáo mới thực là nô bộc của dân.

Nếu Thiên-tử tàn bạo với dân, thì Thượng-Đế không phạt ngay mà cảnh-cáo, cho thì-giờ để tự hối. Cảnh-cáo bằng cách giáng tai ách. Trung-Dung nói « Quốc-gia sắp hưng, tất có điềm lành, quốc sắp mất tất có điềm dữ ». Những điềm dữ như mất mùa, mưa gió không phải thời, khí hậu không hợp tiết... Khổng Tử rất tin như vậy, cho nên trong Xuân-Thu, lối biên-chép cực kỳ giản lược mà ông cũng ghi rất kỹ những biến-dị trong vũ-trụ.

Nếu cảnh cáo nhiều lần mà Thiên-tử vẫn không sửa tính tình, chính sách thì Trời mới dùng người để diệt.

Tuân Tử không tin thuyết Thượng-Đế giáng tai ách, cho việc Trời và việc người không quan-hệ gì với nhau, chỉ lấy thành tích chính-trị mà xét vua (1), nhưng cũng nhận dân có quyền diệt vua tàn bạo : « Giết một ông vua tàn-bạo cũng như giết một tên

(1) .Coi đoạn nghị-luận về điềm đó của Tuân-Tử trong Đại-cương Văn-học-sử Trung-Quốc cuốn I trang 55-57 của soạn-giả — Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê.

Nho giáo : một triết lý chính trị

gian ác » (j) (Tuân-tử — Chính-luận). Ông lại nói Vua là thuyền, dân là nước. Nước chở thuyền, nhưng nước cũng làm đắm thuyền (Tuân-Tử — Vương chế).

4

Thiên tử là đại-biểu của Thượng-Đế, cần có đức như Thượng-Đế và trí sáng-suốt như Thượng-Đế.

Đức lớn nhất của Trời là đức nhân, cho nên đức quan-trọng nhất của Thiên-tử cũng là lòng nhân-đạo.

Đại học nói : *Làm vua chúa, phải đạt tới đức nhân* » (k) « *Nghiêu, Thuấn dắt thiên hạ bằng nhân mà dân theo* » (l) Mạnh-Tử cũng nói : « *Ba đời Hạ, Thương, Chu được thiên hạ nhờ đức nhân mà mất thiên hạ cũng vì bất nhân* » (m) (Ly Lâu thượng). Ông rất buồn vì thấy các vua chư-hầu muốn mở mang bờ cõi mà gây chiến với nhau không dứt, nên khi Lương Vương hỏi : « *Khi nào thiên hạ định được ?* » ông đáp : « *Khi nào thống nhất thì thiên hạ định được và ai không thích giết người thì thống nhất được* » (n). (Lương-Huệ-Tương). Ý ông muốn bảo hễ nhân thì sẽ làm thiên tử mà các chư hầu phải quy phục.

Đức thứ nhì là Kính-cần. Khổng Tử nói : « *Ái với kính là gốc của chính-trị* » (o) (Lễ-ký—Ai công vấn)

Quốc gia theo Nho giáo

Kính cần để giữ cho mọi hành-động khỏi khinh-suất và để làm gương cho kẻ dưới. Vả chẳng Nho-giáo chủ-trương thực-hành sự trật tự giữa các giai-cấp (coi chương sau) thì tất-nhiên phải lấy đức kính-cần làm đức căn-bản của mọi người, nhất là của kẻ cầm quyền. Trên không kính thì dưới tất loạn.

Đức thứ ba là **khiêm-tốn**. Tuy ở một địa-vị cao quý, Thiên-tử không bao giờ được quên rằng mình chỉ là một người thừa-hành nhiệm-vụ của Thượng-Đế mà muốn làm tròn nhiệm-vụ đó, cần có nhiều người giúp sức; nếu không khiêm-tốn, thì là kiêu căng, dễ hóa ra độc đoán, phóng-túng, bức hiên tài tất không muốn hợp-tác với mình. Theo *Thượng Thư*, những minh-quân như Nghiêu, Thuấn đều khiêm-nhượng. Tương truyền Chu-công có khi đương gọi đầu mà bạ lần bới tóc lại để ra đón người hiên; khi khác đương ăn mà ba lần « nhả cơm » để tiếp kẻ sĩ, luôn-luôn sợ mất người hiên năng trong thiên-hạ.

Đức thứ tư là **tín**. Nếu người trên không giữ lời không được dân tin cậy, thì ra lệnh dân không theo, việc nước sẽ loạn. Có lần Tử Cống hỏi về chính-trị, Khổng-Tử đáp :

— *Làm chính trị cần dân có đủ ăn, trong nước có đủ binh lính, và dân tin ở ta.*

Tử Cống lại hỏi

— *Nếu bất đắc dĩ phải bỏ trong ba điều đó thì bỏ điều nào trước ?*

— Bỏ binh lính.

— Nếu bất đắc dĩ phải bỏ một trong hai điều còn lại, thì bỏ điều nào ?

— Bỏ điều đủ ăn. Từ xưa, vẫn có những dân chết, còn thiếu đức tin thì không được vừng được » (Luận ngữ—Nhan Uyên) (p)

Ý ông muốn nói : Dân chết đói là chuyện thường xảy ra từ trước, quốc gia không vì vậy mà mất, còn làm vua mà không được dân tin thì nước sẽ nguy.

Có đủ bốn đức kể trên, lại có óc sáng-suốt nữa thì mới đáng gọi là minh quân. Không sáng-suốt thì không biết đường phải, không biết cách trị nước, không biết cách dùng nhân tài. Cho nên chương đầu Đại học rất chú trọng đến sự tu-dưỡng trí-thức, nói muốn tề gia, trị quốc, bình thiên hạ thì trước hết phải cách vật trí-tri :

Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình ; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình, muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình ; muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình. Muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tinh thành cái ý của mình, muốn làm cho tinh thành cái ý của mình thì trước hết phải có trí thức xác đáng. Trí-thức xác đáng ở chỗ xét kỹ mọi vật. (1)

(1) Cõi chữ Hán

sách. Chương VII.

Và theo truyền thuyết thì các anh quân đời cổ như Phục Hi Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, đều là những vị thông minh tuấn triết hết.

5

Đạo Nho không nói đến quyền lợi mà chỉ nói đến bổn phận. Địa vị càng cao, bổn-phận càng nặng. Bổn phận của vua là bảo-hộ dân và giáo-hóa dân.

Muốn bảo hộ dân, phải chăm lo việc dân, cho đời sống của dân chúng được sung túc. *Mạnh Tử Đàng Văn Công* có đoạn

« Thường tình của dân là kẻ nào có hằng sản rồi mới có hằng tâm (tức lòng sẵn tốt), không có hằng sản thì không có hằng tâm (1). Không có hằng tâm thì sinh ra phóng đảng, chênh lệch, gian tà, cản trở, không có điều gì là không làm. Không lo cho dân có hằng sản, để cho dân sinh tội lỗi, rồi lại lấy hình phạt ra mà trị, như vậy là chẳng lười để đánh lừa dân ». (q)

Đó là xét bổn-phận xã-hội của vua. Bổn - phận giáo-hóa quan trọng không kém. Theo *Mạnh Tử*, vua Nghiêu đã vạch rõ bổn phận đó trong câu : « An ủi dân, vỗ về dân, sửa cho ngay lòng của dân, giúp đỡ dân, che chở dân, khiến dân tự biết vui về đạo, lại theo mà làm chấn khởi cái đức của dân » (*Đàng Văn-công — thượng*). (r).

(1) Nghĩa cũng gần như câu Phú quý sinh lễ nghĩa của ta.

Nho giáo : một triết lý chính trị

Nhiệm-vụ « phú chi, giáo chí » đó sẽ được xét kỹ trong hai chương VI và VII ; ở đây tôi chỉ nhấn mạnh về chỗ người trên muốn dạy người dưới thì không gì bằng lấy mình làm gương. *Thượng Thư* có câu « Một người đứng đầu mà thiện (chỉ thiên-tử) thì các nước chư hầu đều theo đường chính »

Ý đó là một ý rất quan-trọng trong đạo Nho, được Khổng Tử và môn đệ nhắc tới luôn.

Có lần Quý Khang Tử hỏi về chính-trị, Khổng Tử đáp : « Chính-trị la ngay thẳng, ông theo đ'ều ngay thì ai dám không ngay ? » (s) (*Luận ngữ — Nhan Uyên*). Rồi Quý Khang Tử lại lo về nạn cướp bóc, ông bảo : « Nếu chính ông không thích tiền, dẫu ông thưởng người ta, người ta cũng không ăn trộm » (1) (t) (*Luận ngữ-Nhan Uyên*)

Ông lại nói : « Người trên mà ngay chính thì không ra lệnh, lệnh cũng được thi hành ; người trên mà không ngay chính, tuy ra lệnh cũng không ai theo ». (u) (*Luận ngữ — Tử-Lô*) — « Đức của người quân-tử (chữ quân tử ở đây chỉ nhà cầm quyền) như gió, đức của tiểu-nhân (tức dân) như cỏ, gió thổi lên cỏ thì cỏ rạp (v) (*Luận-ngữ — Nhan Uyên*).

Đại học cũng có câu : « Người trên hiếu với cha mẹ mình thì lòng hiếu của dân cũng phát lên ». Còn

(1) « Cầu từ chi bất dục, tuy thưởng chi bất thiết » Câu này Lâm Ngữ Đường hiểu là « Nếu chính ông không thích tiền thì cho tiền kẻ ăn trộm, chúng cũng không lấy. » đại ý vậy.

Mạnh-tử thì bảo : « Vua mà nhân thì không ai không nhân, vua mà nghĩa thì không ai không nghĩa » (Ly-Lâu Thượng).

6

Trời lựa Thiên-tử để thay mình dắt dân thì Thiên-tử cũng lựa đại phu để giúp mình trị nước. Trước đời Tần, sự tuyển lựa đại phu đều do nhà vua đảm-nhiệm lấy.

Vì đảm nhiệm lấy, nên nhà vua rất phải thận-trọng. Mạnh-tử nói : « Làm vua một nước mà muốn đặt người hiền ở dưới thấp lên cao thì, phải cẩn-thận lắm, như bị quốc dân bắt buộc vậy. Như muốn dùng một người nào mà hỏi người tả hữu bên mình, ai cũng bảo người đó hiền, như vậy chưa được ; hỏi các đại phu, các đại phu cũng bảo người đó hiền, như vậy cũng chưa được ; khi hết thấy quốc dân đều bảo người đó là hiền, lúc đó mới xét người ấy, xét xong mà thấy người đó quả là hiền thì mới dùng. » (w). Tới đời Hán, Trung-Quốc đã thống-nhất, đặt đại quá rộng, mới dùng phép đề-cử (1)

Hạng đại-phu đó tuy có bốn-phận kính vua

(1) Số người được đề cử tùy theo dân số mỗi miền nhiều hay ít. Những người được đề cử chia làm ba hạng : hạng hiền lương có tài và có đức, hạng hiền liêm có đức, hạng bác-sĩ có học. Từ đời Lục Triều trở đi, phương-pháp đề cử có lẽ không đủ cung-cấp số quan lại cho triều đình, nên phải dùng thi cử để lựa người và lần-lần phép đề cử bị bãi.

(Vi nhân thần, chỉ u kính — Đại học), nhưng lại có quyền khuyên răn vua để dắt-dẫn vua làm điều thiện, khuyên răn không được, thì ngăn cản vua làm điều ác, nếu ngăn cản cũng không được nữa thì phải thôi ngay, không giúp vua nữa. (Sở vị đại thần giả, dĩ đạo sự quân, bất khả tắc chi). Làm được bốn phận và thi hành được quyền đó, mới là tột trung. Cho nên Mạnh-Tử — Ly-Lâu thượng có câu « Nhắc điều khó cho vua làm, gọi là cung ; bày tỏ điều thiện, ngăn cản điều tà, gọi là kính ; còn bảo vua ta không làm được điều thiện, thì gọi là tắc (1) (x)

Lại nói « Vua không theo đạo phải, không để chí làm điều nhân mà lại theo giúp làm giàu cho vua thì là làm giàu cho tên Kiệt vậy » (y) (Cáo-tử hạ).

Rõ-ràng nhất là ý-kiến của Tuân-tử. Ông chia bày tột làm bốn hạng : « Có bậc đại trung, có bậc thứ trung, có bậc hạ trung, có kẻ quốc-tặc. Lấy đức mà báo đáp vua để cải hóa được vua, là bậc đại trung. Lấy đức mà sửa lỗi vua và giúp vua, là bậc thứ trung. Lấy điều phải mà can ngăn vua, làm cho vua giận, là bậc hạ trung. Không lo đến sự vinh nhục của vua, không lo đến nước trị hay loạn, chỉ thân hợp của cải, dung-túng kẻ càn-dơ để giữ lợi-lộc, nuôi bè đảng, là kẻ quốc tặc » (Thần đạo).

Sau cùng quyền của bày tột là có thể khinh vua

(1) Tắc nghĩa là làm hại vua.

Quốc gia theo Nho giáo

và coi vua là giặc « *Vua xem bầy tôi như chó như ngựa thì bầy tôi xem vua như người lạ trong nước ; vua xem bầy tôi như đất như cỏ thì bầy tôi xem vua như giặc, như thù* » (Mạnh Tử — Ly-Lâu hạ) (2)
Mà là giặc thì tất nhiên có quyền diệt.

Vậy nho giáo tuyệt-nhiên không dạy người ta phải sống theo vua, chết theo vua. Quan niệm *trung thần bất sự nhị quân* là quan niệm của bọn hủ nho. Nhà nho chân chính chỉ theo đạo mà mưu hạnh-phúc cho dân, cho nên Quản-Trọng không chết theo chủ là công tử Củ như Thiệu Hốt, mà được Khổng-Tử khen là người nhân, đã biết bỏ tiểu tiết để cứu vớt thiên-hạ.

XÃ-HỘI CỦA NHO-GIÁO

- 1.— Nguyên-lý bất bình-dẳng.
 - 2.— Trật-tự trong xã-hội
 - 3.— Xã hội của Nho-giáo
 - 4.— Bình đẳng về pháp-luật
 - 5.— Gia tộc.
-

1

Khi nghiên-cứu xã-hội của Nho-giáo, ta nên nhớ nguyên-lý quan-trọng này **Bất bình đẳng là bản chất của vật.**

Nguyên-lý ấy dựng trên một quan-niệm về huyền-học. *Dịch-Hệ từ thượng truyện* có câu : « Trời là quý, đất là hèn, địa-vị cần khôn đã định, thấp cao đã bày, quý, tiện đã yên » (a) *Dịch-Tự quái truyện* cũng nói : « Có trời đất rồi sau mới có vạn vật, có vạn vật rồi sau mới có trai gái, có trai gái rồi sau mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi sau mới có cha

con, có cha con rồi sau mới có vua tôi, có vua tôi rồi sau mới có trên dưới, có trên dưới rồi sau lễ nghĩa mới có chỗ thi hành.» (b)

Khổng-Tử chỉ diễn nguyên-lý đó trong kinh Dịch mà ít khi đem bàn với môn đệ. Đến đời sau, Mạnh-Tử phát huy nó mạnh-mẽ để đả phá một chủ-trương chống sự phân chia giai-cấp tức chủ-trương của Hứa Hành một triết-gia đồng thời với ông. Hứa Hành hô-hào rằng muốn cho nước bình trị thì mọi người đều phải cày lấy ruộng, nấu lấy cơm mà ăn, không có ai trị ai, không có ai nuôi ai nữa. Trần Tương, một môn đệ của Hứa-Hành đem thuyết đó nói với Mạnh-Tử, Mạnh-Tử đáp

— « Có việc của người lớn, có việc của người nhỏ (...) Người thì lao tâm, người thì lao lực. Người lao tâm thì trị người, người lao lực thì để người ta trị mình. Kẻ để người ta trị mình thì phải nuôi người ta, kẻ trị người thì được người ta nuôi lại. Nghĩa thông-thường trong thiên-hạ là thế » (c)

Trần Tương bênh vực đạo của thầy, bảo

— « Cứ theo cái đạo của Hứa Tử thì chợ không có hai giá, trong nước không có sự giả-dối. Dù sai đưa trẻ ra chợ, cũng không bị ai lừa đảo. Dù vải hay lụa mà dài ngắn bằng nhau thì cùng bán một giá dù gai, sợi hay tơ, bông mà nặng nhẹ bằng nhau thì cùng bán một giá ; ngũ cốc nhiều ít bằng nhau thì cùng bán một giá giấy hay dép lớn nhỏ bằng nhau thì cùng bán một giá ».

Xã hội của Nho giáo

Nghĩa là thuyết của Hứa-Hành không phân biệt quý tiện, tốt xấu, cứ dài ngắn, nặng nhẹ bằng nhau, là đồng giá hết. Chủ-trương chỉ phân biệt lượng mà không phân biệt phẩm đó trái với nguyên lý bất bình đẳng về bản chất của đạo Nho, cho nên Mạnh-Tử công kích kịch liệt.

— « Vật không đều nhau là lẽ tự-nhiên của vật. Có cái hơn gấp đôi, gấp năm, có cái hơn gấp mười, gấp trăm, có cái hơn gấp ngàn, gấp vạn, ông cho bằng nhau cả tức là làm loạn thiên hạ. Nếu dép lớn dép nhỏ bán cùng giá thì còn ai làm dép lớn nữa. Vậy thì theo đạo của Hứa Tử, tức là bảo nhau làm điều giả-dối. Như vậy trị quốc sao được ? » (Đặng Văn-công thượng)

Trong đoạn đó có một chỗ tối nghĩa, và theo phép lý-luận ngày nay ta phải nói :

« Ông đã nhận rằng dép lớn nhỏ khác nhau phải bán khác giá nhau, nếu không vậy, không còn ai làm dép lớn nữa ; thì ông cũng phải nhận rằng dép tốt xấu khác nhau cũng phải bán khác giá nhau chứ. Nếu không vậy còn ai làm dép tốt nữa ? Vậy thì theo đạo của Hứa Tử, cho mọi cái đều đồng giá là bảo nhau làm điều giả dối ».

Ta thấy, để bênh-vực thuyết bất bình-đẳng, Mạnh-Tử không đứng trên khu-vực huyền học như Khổng-Tử mà đứng trên khu-vực thực-tế. Đến

Tuân-Tử, thì lại đứng trên khu vực công ích về chính-trị :

« Người ta sống ở đời không thể không quần-tụ, quần-tụ mà không định phận trên dưới thì tranh đoạt nhau, tranh đoạt nhau thì loạn, loạn thì khốn-khổ. Cho nên không định phận trên dưới là cái hại lớn của thiên-hạ, định phận trên dưới là cái lợi lớn của thiên-hạ » (Phú Quốc).

2

Nhưng trật-tự trong xã-hội phải xây dựng trên những quy-tắc nào ? Đây mới là đặc điểm của Nho-giáo, còn quan niệm bất bình đẳng chỉ là quan niệm chung của các chính trị gia thời cổ.

Mạnh Tử đề nghị : « Thiên-hạ có ba bậc đáng tôn : tước, tuổi và đức. Ở triều-đình không gì đáng tôn bằng tước ; ở hương đảng không gì đáng tôn bằng tuổi ; giúp đời mà trị dân không gì bằng đức ». (d)

Quy-tắc thứ nhất là tước cơ hồ như không hợp lý vì tước mà Mạnh Tử chỉ đó là tước thể tập. Nhưng ta nên nhớ dân-tộc Trung-Hoa thời đó tin rằng tổ tiên và con cháu liên đới mật thiết với nhau, hễ tổ-tiên có công lao, đức hạnh thì con cháu cũng được hưởng lây sự tôn kính, vậy sự trọng tước ở triều-đình cũng là dễ hiểu.

Quy-tắc thứ nhì có vẻ công-bình hơn vì tuổi

Xã hội của Nho giáo

tác không có tính cách thể tập. Vả chẳng trọng tuổi-tác tức là trọng kinh-nghiệm, mà kinh-nghiệm thì bao giờ cũng đáng quý.

Quy-tắc thứ ba, tức tùy đức hạnh mà giao quyền hành, hợp lý hơn cả, và Mạnh-Tử tuy trọng tước—có lẽ là theo tục lệ — nhưng nhiều khi đã coi nó rẻ hơn đức.

Trong chương Cáo-Tử, ông nói « Có tước của Trời, có tước của người. Nhân, nghĩa, trung, tín, vui làm điều thiện mà không thấy mệt, đó là tước của Trời. Công, Khanh, đại phu đó là tước của người. Người đời xưa sửa tước của Trời, mà tước của người tự nhiên tới; người đời nay sửa cái tước của Trời để cầu cái tước của người; đã được tước của người rồi lại bỏ tước của Trời đi, mé-muội đến vậy là cùng cực, thế nào rồi cũng mất mà thôi ». (e)

Có lần ông hiên-ngang mắng những kẻ tước cao mà đức thấp : « Kẻ kia cây ở sự giàu của nó, ta đây cây ở cái nhân của ta; kẻ kia cây ở cái tước của nó, ta đây cây ở cái nghĩa của ta, ta có điều gì thua kém đâu ? (f) (Công-Tôn-Sửu hạ).

Lần khác, ông rōng-rạc tuyên bố : « Thiên-hạ có đạo thì kẻ đức nhỏ hầu-hạ kẻ đức lớn, kẻ hiền ít hầu-hạ kẻ hiền nhiều; thiên-hạ vô đạo thì kẻ nhỏ hầu-hạ kẻ lớn, kẻ yếu hầu-hạ kẻ mạnh » (g) (Ly Lâu thượng). Ông lại dẫn lời Tử - Tư nói

Nho giáo: một triết lý chính trị

với Mục-công « *Lấy đức mà xét thì ông phải thờ tôi, đâu được làm bạn với tôi!* » (*Vạn-Chương hạ*) (h).

Dã-sử Trung Quốc còn truyền giai-thoại sau này chứng tỏ quan-niệm trọng đức hơn tước của nhà Nho:

Vua Tề gọi một kẻ sĩ là Nhan Súc : « Súc lại đây ! » Nhan Súc ngạo-man gọi lại « Vua lại đây ! » Vua Tề mắng : « Ta là bực chí tôn nên có quyền gọi kẻ sĩ như vậy, còn kẻ sĩ gọi Vua như vậy thì đâu là kỷ-cương ? ». Nhan Súc đáp : « Vua gọi Súc như vậy mà Súc tới thì Súc mang tiếng nịnh quyền thế ; còn Súc gọi Vua tới thì Vua được tiếng kính hiền trọng sĩ. Một đảng mang tiếng xu nịnh, một đảng được tiếng kính hiền, đảng nào hơn ? ».

3

Theo nguyên lý bất bình đẳng và ba quy-tắc tước, tuổi, đức mà trật-tự trong xã-hội Nho-giáo được định. Trên cùng có Thượng-Đế, rồi tới Thiên tử, các vua chư-hầu ; chư-hầu có năm tước : công, hầu, bá, tử, nam ; dưới nữa có đại phu, thượng-sĩ, trung-sĩ, hạ sĩ. Trong triều-đình, địa vị tùy tước và tài đức ; trong làng và trong nhà, địa vị tùy theo tuổi.

Sự quy định về quyền hạn theo nguyên tắc nhiều khi rất tỉ-mỉ. Chẳng hạn đời Chu Thiên tử có đất vuông ngàn dặm, thì công và hầu được trăm dặm,

Xã hội của Nho giáo

bá được bảy chục dặm, tử và nam được năm chục dặm. Ở triều đình Thiên-tử, chức khanh được chia đất ngang với tước hầu, chức đại phu được đất ngang với tước bá, chức thượng-sĩ được đất ngang với tước tử và nam. Trong nước vương trăm dặm, lộc của vua gấp mười lộc của chức khanh, lộc của khanh gấp bốn lộc của đại phu, lộc của đại phu gấp hai lộc của thượng sĩ, thượng sĩ gấp hai trung sĩ, trung-sĩ gấp hai hạ-sĩ ; thường nhân mà làm việc quan thì được lộc ngang với hạ-sĩ, lộc đó đủ ăn để khỏi phải cày bừa... (*Manh-Tử — Vạn Chương*).

Đại loại như vậy. Từ số cỗ xe (tức số binh-sĩ vì xe hời xưa cũng dùng để đánh giặc), tới màu sắc y phục, thậm chí tới số cung phi cũng được định rõ : Thiên-tử mười hai người, thì chư hầu chín. Chắc độc-giả còn nhớ, chỉ Thiên-tử mới được phép tế Trời, Đất ; do đó có những bản nhạc chỉ được dùng trong triều đình của Thiên-tử.

Về những nghi tiết cúng tế, ma, chay thì không kể sao cho hết, tôi chỉ xin cử một việc này làm thí-dụ : cha làm thường dân mà con làm đại phu, thì khi chôn cất, áo quan của cha phải là áo quan của hạng thường dân, nhưng tang phục của con phải là tang phục của đại phu.

Những lễ nghi đó đều có mục đích giữ cho dân khỏi loạn. Tuân-Tử trong chương *Lễ-luận* nói :

« Người sinh ra là có lòng muốn, muốn mà không được thì tất phải tìm kiếm, tìm kiếm mà không có chừng-mực, giới hạn thì tất phải tranh nhau. Tranh thì sinh loạn, loạn thì khổn khổ. Tiên vương ghét loạn, cho nên đặt ra lễ nghĩa để phân biệt trật tự, (...) Thế nào là phân biệt ? Là sang hèn có bậc, lớn nhỏ có khác nhau, nghèo giàu, khinh trọng đều có địa-vị xứng đáng ».

Lễ còn mục đích nữa để dân « rõ điều phải trái » (Lễ-ký—Khúc lễ thượng) (1) và để tiết-chế tình-cảm « Lễ quý ở chỗ nó trừ điều ác từ khi chưa nảy mầm ra, gây lòng kính ở chỗ người ta không trông thấy, cho dân ngày ngày đến gần điều thiện, xa tội lỗi mà tự không hay » (Đại đài Lễ-ký—Lễ-tế). (i)

Muốn cho dân giữ trật tự, đạo Nho còn dùng nhạc để giúp lễ thêm công hiệu. « Nhạc là động ở trong, lễ là động ra ngoài, cái cùng cực của nhạc là hòa, cái cùng-cực của lễ là thuận ». (Nhạc-ký) (j)

Lễ tiết chế lòng dục, nhạc điều-hòa tính-tình.

4

Tuy chủ-trương bất bình đẳng trong xã-hội, nhưng Nho-giáo cho mọi giai cấp được bình-đẳng về phương-diện pháp-luật vì sự công bằng đó cần thiết cho trật-tự. Đó cũng là một đặc điểm nữa của đạo Nho.

Khi một môn đệ hỏi :

(1) Túc kinh Lễ

— « Vua Thuấn làm thiên-tử, ông Cao-Dao coi về hình phạt, nếu ông Cỗ-Tàu là cha vua Thuấn giết người thì xử cách nào ? ».

Mạnh-Tử đáp

« — Cứ việc bắt ông Cỗ-Tàu, chứ có gì đâu ?

— Vậy vua Thuấn không cấm ư ?

Vua Thuấn cấm sao được ? Phép truyền thụ từ đời nọ qua đời kia là phép công mà ». (1) (k) (Mạnh-Tử — Tân tâm, thượng).

Sử nước Tàu còn chép Thái-tử nước Tần phạm pháp, Vệ Ưởng nói « Nhân dân bình đẳng về pháp luật. Trong nước không nên có giai cấp khác nhau. Nhưng thái-tử là người sau này sẽ nối ngôi vua, không nên đem ra trị tội, mà hai sự phó lãnh trách nhiệm dạy thái-tử phải chịu tội thay ».

Vậy trên hai ngàn năm trước, nhờ Mạnh-Tử, Trung-Quốc đã phát minh chủ nghĩa tam quyền phân lập, chủ-nghĩa bình-đẳng trước luật-pháp và

(1) Mòn-dê lại hỏi thêm

— Thế vua Thuấn phải làm sao ?

Mạnh-Tử dùng một giải pháp dung-hòa để giải sự mâu thuẫn đó giữa quốc-gia và gia đình, và đáp rằng vua Thuấn phải bỏ ngôi cao, vào ngục công cha đi trốn ở nơi nào đó cho trọn đạo làm con.

Độc giả tất có thể cho rằng giải-pháp đó chưa được ổn, vì như vậy quốc-dân mất một mình quân là vua Thuấn. Vâng, nhưng nếu quốc-dân muốn giữ vua lại, thì xin với ông Cao-Dao để tha cho Cỗ Tàu ; lúc đó vua Thuấn có thể trở về ngôi được mà quyền hành chánh, quyền tư pháp vẫn được nguyên vẹn.

Nho giáo một triết lý chính trị

tinh-thần lập-hiến trong chính-thể quân-chủ. Cứ theo đúng nguyên-tắc thì ông vua của Nho-giáo, quyền lợi bị hạn chế (chịu pháp-luật của nước, có sổ đật đai nhất định) gần như một ông vua lập-hiến ngày nay, nhưng trách-nhiệm và bổn-phận thì nặng gấp mấy lần. Và tuy có giai cấp mà giai cấp ở Trung-Hoa không như giai cấp ở châu Âu thời xưa. Dù là hoàng thân mà kém đức thì cũng không bằng thường dân mà có nhân (*Tuy hữu Chu thân, bất như nhân dân*).

5

Xã-hội Trung-Hoa thời xưa cũng như xã-hội La-Mã, do sự kết-hợp của ba đơn-vị cá-nhân, gia-tộc và quốc-gia; nhưng ở Trung-Hoa, sự liên-lạc giữa ba đơn-vị đó mật-thiết vô cùng.

Đại-học nói « *Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên-hạ thì trước hết phải trị nước mình; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình* ». Lại nói « *Cái thân đã sửa thì sau nhà mới tề nhà đã tề thì sau nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình. Từ thiên tử cho đến thường dân đều phải lấy sự sửa mình làm gốc, gốc loạn mà ngọn trị thì là điều không hề có* ».

Trong Mạnh-Tử Ly-Lâu cũng có câu : « *Gốc của thiên-hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, gốc của nhà là ở thân mình* », (1)

Vậy cá nhân, gia-tộc, quốc-gia, thiên hạ như bốn

cái khoen móc vào nhau ; hơn nữa, như bốn vòng tròn đồng tâm mà vòng nhỏ nhất là cá-nhân, vòng lớn nhất là thiên-hạ. Gia-tộc không phải chỉ là một chỗ nghỉ-ngơi của cá-nhân theo quan-niệm của phương Tây ngày nay, mà là một cơ-quan của quốc-gia, có tính-cách chính-trị, cho nên địa-vị của gia-tộc rất quan-trọng.

Khi Tề Cảnh-Công hỏi Khổng-Tử về chính-trị, ông đáp : « Vua theo đạo vua, bầy tôi theo đạo bầy tôi, cha theo đạo cha, con theo đạo con ». (m), là ông muốn nhấn vào nhiệm-vụ chính-trị của cá-nhân, dù cá nhân đó là ông vua hay người dân thường.

Dịch-Gia-nhân nói « Cha theo đạo cha, con theo đạo con, anh theo đạo anh, em theo đạo em, chồng theo đạo chồng, vợ theo đạo vợ mà gia-đạo chính, chính gia-đạo thì thiên-hạ định » (n). Đó là nhiệm-vụ chính của gia-tộc.

Vậy gia-chánh với quốc-chánh là một, « cha con yêu nhau gốc là việc công » (*Chu tử*), mà đức hiếu, cũng là gốc của đức trung, đức nhân « Quân - tử thờ cha mẹ hiếu, cho nên đối với vua cũng trung » (*Hiếu kinh*) — « Người hiếu để mà thích phạm thượng là việc ít thấy không thích phạm thượng mà lại thích làm loạn, là việc chưa có (...); hiếu, để là gốc của nhân chẳng ? » (o) (*Luận-ngữ* — *Học-nhi*).

Gia-đình đã là một tiểu-tổ chính-trị thì cá-nhân tất là một cán-bộ chính-trị. Trong xã-hội Trung-Quốc

Nho giáo : một triết-lý chính-trị

từ trên xuống dưới ai cũng có nhiệm-vụ chính-trị, tức nhiệm-vụ giữ trật-tự trong xã-hội bằng đạo-đức, lễ-nghi. Đó là lý-tưởng của Nho-giáo.

Tóm lại, xã-hội theo Nho-giáo xây dựng trên những nguyên lý :

— Các hạng người một mặt bất bình đẳng về tư-cách mà hạng người có đức đáng được trọng hơn cả.

— Một mặt bình đẳng trước pháp luật và trong nhiệm-vụ ; mỗi cá-nhân là một cán-bộ chính-trị.

Một lần nữa, ta lại thấy rõ tính cách chính-trị của Nho-giáo. « Cha con yêu nhau, gốc là việc công », lời đó bao hàm biết bao ý nghĩa !

Nho giáo một triết lý chính trị

là chỉ biết được cái đã có rồi, không biết được cái sắp có. Lễ là đề cấm trước cái sắp có pháp-luật là đề cấm sau cái đã có rồi. Ồi lễ, lễ, lễ quý ở chỗ dirt được điều ác từ lúc chưa nảy mầm ra, gây lòng kính ở chỗ người ta không trông thấy, đề cho dân ngày ngày gần điều thiện, xa tội lỗi, mà tự mình không biết » (a)

Lễ dạy người ta nên làm điều gì, không nên làm điều gì; pháp-luật cấm người ta làm điều gì, nếu không tuân thì phải tội. Lễ có ý nghĩa giáo-dục, đề phòng; pháp-luật có ý nghĩa thống-trị. Lễ có tính cách khoan, nhân; pháp-luật có tính cách bạo, tàn. Cho nên Khổng-Tử ghét dùng hình pháp, nói « xử kiện thì ta cũng như người khác thôi, phải làm sao cho đừng có kiện tụng chứ » (Đại-học) (b) Thậm chí, ông cho rằng « mắng giạn để cải hóa dân là phương-pháp kém nhất » (c) (Trung dung).

Tuân-Tử mặc dầu chủ-trương thuyết tính ác mà vẫn trọng lễ, nhạc, chưa xa đạo của Khổng-Tử nhiều; đến Hàn-Phi-Tử, « không nói nhân nghĩa » nữa, mà trọng dụng hình-pháp, thì đạo Nho đã sai lạc hẳn đi.

2

Muốn giữ trật-tự trong xã hội thì điều cốt yếu là mỗi người phải giữ địa-vị và bổn-phận của mình; địa-vị càng cao thì tài, đức càng phải lớn. Đó là một lý-tưởng khó thực-hành được, và thời nào

cũng có nhiều kẻ tài, đức không xứng với địa-vị mà gây mối loạn trong xã-hội. Để trừ tệ-đoan đó Khổng-Tử đề-xướng thuyết chính danh. Ông bày tỏ một cách kín đáo chủ-trương của ông trong bộ Xuân-Thu và môn đệ ghi chép những lời giảng dụ của ông trong bộ Luận-Ngữ chương Tử-Lộ.

Một hôm Tử Lộ hỏi ông

— *Nếu vua nước Vệ nhờ thầy sửa việc chính-trị thì thầy làm việc gì trước ?*

Ông đáp

— *Tất phải sửa danh cho chính trước hết.*

— *Có đâu thế ? Thầy nói vu.khoát. Sửa danh cho chính để làm gì ?*

— *Anh quê mùa lắm. Người quân-tử chưa biết điều gì thì đừng vội nói. Danh không chính thì nói không xuôi, nói không xuôi thì việc không thành việc không thành thì lễ nhạc không hưng, lễ nhạc không hưng thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết xử trí ra sao cho khỏi bị hình phạt. Cho nên người quân-tử danh mà chính thì tất nói được, nói được thì tất làm được (...)* (d)

Thuyết chính danh đó có tính cách cách mạng. Ta có thể hiểu ngầm rằng : Nếu kẻ làm vua mà tàn bạo với dân thì không đáng gọi là vua, cũng như « cái cơ (một loại bình đựng rượu) mà không có hình

Nho giáo : một triết lý chính trị

cái cỏ, thì không phải là cái cỏ» (Luận-ngữ—Ung-dã); cho nên giết hần là ân-nhân của dân, chứ không mang tội thí quân.

Tuân-Tử cũng cho sự chính-danh là cần-thiết *Nếu kẻ vương-giả lại sinh ra ở đời thì tất lại theo cái danh cũ và sửa cái danh mới cho chính ».* Ông viết một chương về chính-danh, phát huy được nhiều điều mới, song đứng về phương-diện triết-ly, hình-pháp hơn là đứng về phương-diện đạo đức như Khổng Tử.

3

Trật-tự xã-hội đã quy định tỉ-mỉ, ai cứ theo phận nầy là quốc-gia bình-trị ; sự thành-lập chính-đảng hóa vô ích, cho nên Nho-giáo ghét chính-đảng. Khổng Tử nói : *« Quân tử kính mà không tranh, quần tụ mà không có bè đảng. » (e) (Luận-ngữ — Vệ Linh-công)* lại nói : *« Thiên hạ có đạo thì người thường không bàn-bạc, nghị-luận việc nước » (f) (Luận-ngữ — Quý thị).* Mạnh-Tử cũng nói *« Ngồi thấp mà bàn những việc cao là có tội. » (g) (Vạn-Chương hạ.)*

Vậy Nho-giáo lấy ý-chí của quốc-gia làm ý - chí của cá-nhân. Cá-nhận của Nho-giáo phải theo một lý tưởng chung để hiệp lực làm cho xã hội được điều-hòa.

Về phương diện đó, Chính-trị Nho-giáo có tính

cách chuyên chế (1), nhưng vì nhà cầm quyền phải tôn trọng ý-chí của dân, như ý chí của Trời, và có thể bị dân lật đổ nếu không làm tròn nhiệm vụ, nên sự chuyên chế của chính-thể quân-chủ Nho-giáo khác sự chuyên chế của chính-thể quân-chủ phương Tây hồi xưa.

Theo nguyên tắc cũng không có vấn đề thiếu số phục tòng đa số, vì ý chí của nhân dân là ý chí của nhân dân sáng suốt, chứ không nhất định phải là của đại đa số quần chúng. Ta có thể nói rằng có chuyên chế, là chuyên chế của những kẻ tài đức mà thôi. Sự chuyên chế đó thi-hành cách nào thì ta không được biết ; trong tứ thư ngũ kinh ta không thấy nói rõ cách dẹp các đảng phái ra sao.

4

Tôi đã nói Đạo Nho xét nghĩa vụ hơn là xét quyền lợi : Khổng-Tử không chê hẳn lợi là thấp, nhưng bảo kẻ làm điều nhân thì phải bỏ mệnh và lợi đi. (*Tử hãn ngôn lợi dĩ mệnh, dĩ nhân*). Đến đời sau có lẽ tinh thần vụ lợi mạnh quá, cho nên Mạnh-Tử nhiệt liệt tấn công chính sách vụ lợi. Ông bảo

« Nước không lấy lợi làm lợi mà lấy nghĩa làm lợi ».

(1) Về điểm này, tư-tưởng của Tử-sân khoáng đạt hơn, tựa như các triết-gia Hi-lạp thời xưa. Tử Sâu lập những hương hiệu để người trong nước tới nghị luận chính sự. Có người khuyên ông đóng cửa, ông đáp « Sao lại đóng ? Người ta tới xét chính-trị thiện không, thiện thì làm, bất thiện thì sửa, như vậy dân là thầy của ta ; hủ học hiệu đi làm gì ? ».

Khi ông qua nước Lương, Lương-Huệ-Vương hỏi ông :

— Ông có điều gì làm lợi cho nước tôi không ?

Ông gạt ngay đi

— « Nhà vua hà tất phải nói lợi. Chỉ có nhân nghĩa mà thôi (h) Nếu ông vua nói : Làm thế nào cho lợi nước ta ? thì quan đại phu cũng nói Làm thế nào cho lợi nhà ta ? kẻ sĩ và thứ dân cũng nói Làm thế nào cho lợi thân ta? Mà trên dưới ai nấy đều tranh nhau về lợi thì nguy mất. Trong một nước vạn cỗ xe, kẻ giết vua tức là nhà có ngàn cỗ xe trong một nước ngàn cỗ xe, kẻ giết vua tức là nhà có trăm cỗ xe. Vua có vạn, bầy tôi có ngàn, vua có ngàn, bầy tôi có trăm, như vậy không phải là không nhiều rồi. Nếu chỉ nghĩ đến lợi trước, đến nghĩa sau thì kẻ dưới không chiếm được của người trên, không cho là đủ (...). Nhà vua chỉ nên nói đến nhân nghĩa, hà tất nói tới lợi (Lương-Huệ-Vương thượng)

Lần khác, Tống-Hình ngờ ý với ông muốn sang Tần, Sở để lấy điều lợi hại can hai nước ấy đừng đánh nhau, ông khuyên

« Nếu ông lấy điều lợi mà nói với vua nước Tần, nước Sở thì vua hai nước ấy sẽ vì lợi mà thôi đánh nhau ; nhưng nếu ai cũng chỉ thích vì lợi thì người làm tôi sẽ lấy lòng mong lợi mà thờ vua, người làm con sẽ lấy lòng mong lợi mà thờ cha, người làm em sẽ lấy lòng mong lợi mà thờ anh vua tôi, cha con, anh em đều bỏ cả nhân nghĩa, chỉ đem cái lòng mong lợi mà tiếp đãi nhau, như vậy mà nước không mất là điều không có. Nếu lấy nhân

nghĩa mà nói thì người làm tôi sẽ đem lòng nhân nghĩa mà thờ vua, người làm con sẽ đem lòng nhân nghĩa mà thờ cha, người làm em sẽ đem lòng nhân nghĩa mà thờ anh ; vua tôi, cha con, anh em đều bỏ lợi mà chỉ đem lòng nhân nghĩa tiếp đãi nhau, như thế mà không trị được thiên hạ là điều chưa có. Vậy thì hà tất phải nói lợi ». (Cáo-Tử, hạ).

Tóm lại Nho-giáo tin rằng hễ bỏ lợi, dùng nghĩa là thiên hạ bình : « Lấy đức mà làm chính-trị thì thiên hạ sẽ quy phục như sao Bắc-đẩu ở một chỗ mà các sao khác châu cả về ». (i) (Luận ngữ — Vi chính) ; còn « bất nhân mà được thiên hạ quy phục thì chưa từng có » (j) (Mạnh-Tử—Tân tâm, hạ).

5

Trật-tự đã quy-định, mà trên dưới chỉ nói đến nghĩa vụ, chứ không xét quyền lợi, thì các giai-cấp tất hòa-hiệp với nhau hơn là đấu tranh nhau. Lời xét đoán dưới đây của một học-giả Nhật-Bản có phần xác-đáng. Đại ý học giả đó nói

« Trong lịch-sử phương Tây, mỗi khi có nguy cơ về cách-mạng thì các nhà cách-mạng đều nghĩ rằng giai-cấp trên phải hy sinh quyền lợi mới tránh được cách-mạng ; nhưng giai-cấp đó không chịu hy-sinh và cách-mạng phát. Như ở thế-kỷ 18, tình-hình xã-hội Pháp, Đức như nhau mà ở Pháp có cách-mạng, ở Đức không, chính vì nhà cầm quyền Pháp và hai

Nho giáo : một triết lý chính trị

giai-cấp trên không chịu nhường bớt quyền lợi cho giai cấp bình dân, như ở Đức.

« Sở dĩ thế giới ngày nay có những cách-mạng xã-hội là vì giai-cấp tư-bản chỉ vụ lợi kỷ. Đề xướng nghĩa vụ của giai cấp đó, giảng cho họ chịu hy-sinh, là có thể tránh được sự uy-hiếp của chủ-nghĩa xã hội, ngoài ra không có giải pháp nào cả. Nói cách khác, là phải theo chính sách của đạo Nho. Phải chăng vì lẽ đó mà sau mỗi kỳ đại chiến, người Âu lại hăng-hái nghiên-cứu Nho-giáo ». (1)

6

Nhà Nho trọng nhân nghĩa thì tất nhiên ghét chiến-tranh, khinh vũ-lực. Ở trên tôi đã dẫn lời Khổng-tử bảo Tử-Cống rằng làm chính-trị mà nếu cần phải bỏ một trong ba điều : dân đủ ăn, đủ binh lính, dân tin cậy, thì nên bỏ binh lính trước hết.

Hồi Quý Thi, thủ tướng nước Lô, muốn đánh nước Xuyên Du, một nước phụ dung của Lô, Nhiệm

(1) Tôi rất tiếc không nhớ tên vị học giả Nhật đó. Trước đại-chiến vừa rồi, tôi được đọc một cuốn do ông soạn về Nho giáo và do một người Trung-hoa dịch. Vì là sách mượn, tôi ghi lại những ý chính trong sách ; sau cơn loạn lạc, những miếng giấy ghi những ý đó cũng không còn giữ được toàn vẹn, thành thử tới tên sách cũng không nhớ đích xác, nay tra cứu lại không ra. Ngoài đoạn văn tôi trích ra đó, tôi còn nhớ đại cương lập luận của ông và chính như tư tưởng của ông mà nay tôi tìm hiểu lại đạo Nho và soạn cuốn này.

Hữu và Quý Lộ vào yết kiến Khổng Tử, thưa việc đó, Khổng Tử mắng. Nhiệm Hữu đáp :

Nước Xuyên Du đất hiểm mà gần nước Phi, nay không chiếm nó thì đời sau hại cho con cháu nó.

Khổng Tử bảo :

« Anh Cầu ! (tức Nhiệm Hữu) người quân tử ghét những kẻ không chịu nhận lỗi mà cố dặt lời bào chữa. Ta đây nghe rằng người giữ được nước, được nhà không lo gì ít người mà lo người đông mà xử trí không công bằng chẳng lo của thiếu mà lo không yên ổn. Bởi vì nếu xử trí công bằng thì không đến nỗi thiếu, hòa hợp thì không lo gì người ít, dân được yên vui thì không lo gì nghiêng đổ. Đã được như vậy rồi, mà người phương xa không phục, thì phải trau giồi văn đức để họ theo mình rồi thì an ủi họ. Nay anh Do và anh Cầu giúp thầy các anh, người phương xa không phục mà không sửa văn đức cho họ tới mình, trong nước chia rẽ mà chẳng giữ gìn được, mà lại tính việc binh đao ở trong nước, ta sợ rằng tai họa của nhà Quý Tôn không do nước Xuyên Du mà ở ngay bức vách nhà trong đấy ». (k)

Mạnh Tử cũng nói : « Thành không hoàn bị, binh giáp không nhiều, không phải là ai tách cho nước ; đồng ruộng khai khẩn, hàng hóa tiền của không tích tụ không phải là cái hại của nước ; người trên thì vô lễ, người dưới thì không học, loạn dân dấy lên, thì chết ngày nào không biết đấy. (Ly-Lâu) (l)

Tiến lên một bước nữa, ông còn kết tội hạng bầy tôi không hướng dẫn vua chúa bằng nhân nghĩa, chỉ lo luyện tập binh mã để chiến thắng nước khác, cho họ không phải là lương thần mà là kẻ thù của dân, không phải là giúp vua mà là giúp kẻ tàn bạo như Kiệt, Trụ.

Nhất là những câu dưới đây của ông thì khắp cổ kim, chưa có chính trị gia nào dám nói :

« Kẻ nào giỏi gây chiến thì phải chịu cái tội nặng nhất »

« Vì tranh đất đai mà gây chiến, làm cho dân chết thì không khác gì cho đất đai ăn thịt dân, tội đó không tha chết được » (m)

Tuy nhiên, Nho giáo vẫn nhận có hai trường hợp phải dùng binh lực :

— để chống với kẻ xâm lăng mình

— và để vì nhân dân mà diệt những vua tàn bạo.

Nhưng cả trong trường hợp thứ nhất, trường hợp tự vệ, chiến tranh cũng là bắt buộc dĩ : một vị nhân-quân không vui lòng khi bắt dân phải chết cho đất-đai vì đất-đai đâu quý bằng nhân mạng.

Có lần Đổng Văn-Công hỏi Mạnh-Tử :

« Đổng là một nước nhỏ, tận lực thờ nước lớn mà cũng không được yên, phải làm thế nào ?

Ông đáp

— Xưa Thái-vương ở đất Mân bị rợ Địch xâm chiếm, đem da thú dâng nó, nó không tha, đem châu ngọc dâng nó nó cũng không tha, mới hợp các bô lão mà bảo « Rợ Địch muốn chiếm đất đai của ta. Tôi nghe rằng người quân tử không lấy vật dùng để nuôi người mà hại người. Các ông lo gì không có vua. Tôi đi đây » Rồi ông bỏ đất Mân, vượt núi Lương-Sơn, lập ấp ở dưới chân núi Kỳ Sơn. Người nước Mân nói « Ông ấy là người nhân, không nên bỏ ông ấy » và người ta theo ông đông như đi chợ. Đó là một cách. Còn một cách nữa là cố giữ lấy đất, giữ không được thì chết. Xin nhà vua lựa lấy một trong hai cách ấy ». (Lương Huệ Vương, hạ)

Trường-hợp thứ nhì là trường-hợp vua Thang đánh Cát Bá. vì Cát-Bá vô đạo, mặc dầu được vua Thang giúp cho đồ cúng mà cũng không tế lễ quý thần, lại còn xúi dân cướp bóc dân của ông. Ông đánh mười một trận, đều thắng. Đánh ở phương Đông thì rợ phương Tây oán, đánh phương Nam mà rợ phương Bắc oán, nói « Tại sao không giải thoát cho nước tôi trước ? » Dân mọi nơi ngóng ông như đại hạn trông mưa. Ông đánh nước nào thì dẹp vua nước đó mà võ về dân, cho nên dân rất vui vẻ. (Mạnh Tử — Đằng Văn-Công.).

Trường-hợp đó tất-nhiên cũng là bất đắc dĩ nữa.

Nho giáo : một triết lý chính trị

Xét lời Mạnh-Tử khen vua Thang đó thì biết Nho-giáo không bác hẳn chính sách để chế, nhưng để chế Nho-giáo khác để chế La-Mã. La-Mã chinh-phục để quốc bằng võ lực, rồi cai-trị bằng võ-lực. Nho-giáo trái lại, lấy đạo-đức làm phương-tiện, và lấy sự giáo-hóa thế-giới làm mục-đích.

Mạnh-Tử nói « Đánh nhau để tranh đất, giết người đầy đồng, đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành, thế gọi là cho thỏ địa ăn thịt người, đáng tội chết ; cho nên kẻ giỏi đánh nhau chịu hình-phạt thứ nhất, rồi đến kẻ kết liên chư hầu, sau mới tới kẻ khai đất mà chiếm đất» (n) (Ly-Lâu, thượng)

Lại nói : « Kẻ lấy sức mạnh mà bắt người ta phục mình thì người ta không tâm-phục, sức mạnh không đủ ; lấy đức mà làm người ta phục mình thì lòng người ta vui mà thành-thực phục». (o) (Công-Tôn-Sửu, thượng).

Đối với các dân-tộc chung-quanh, Nho-gia chê là không văn-minh, nhưng không có ý diệt họ để khuếch-trương lãnh thổ mà có ý thương hại, muốn khai-hóa cho họ.

Có lần Khổng-Tử thấy đạo mình không thi-hành trong nước được, định đem truyền-bá nó ở những xứ di địch. Trong môn-đệ có người cản « Những nơi đó bĩ-lậu, làm sao ở được ? »

Ông đáp : « Người quân tử lại ở đó thì có gì mà bỏ lại ? » (p) (Luận-ngữ — Tử hãn.) Ông cho rằng đạo-đức thi hành tới đâu, thì văn-hóa truyền tới đó mà những xứ dã-man cũng sẽ thành những phần-tử trong thiên-hạ của Nho-giáo. Lần khác ông còn khen Di, Địch có kỹ-cương hơn là Trung Hoa nữa « Di, Địch có vua, không như Hoa Hạ không có » (q) (Luận-ngữ — Bát địch)

Vì muốn lấy đức mà phục các dân-tộc, cho nên Nho-Giáo đối với họ khoan-hồng, nhũn-nhặn: « Đưa kẻ đi, đón kẻ đến, khen người thiện mà thương kẻ yếu, kém, là để vô-về người phương xa; dòng vua nào tuyệt thì tìm người để nối, nước nào đã suy đổ thì phục hưng lại; trị loạn, giúp nguy, việc triều sinh phải tùy lúc tiện lợi cho người, bắt người ta triều cống ít mà tặng lại người ta nhiều; như vậy để chư hầu có lòng yêu nhớ mình » (r) (Trung Dung).

Cách cư-xử đó là cách của vua Thang đối với nước Cát. « Vua Thang ở đất Bạc, nước láng giềng là Cát. Cát-bá bỏ-bê việc tế tự. Vua Thang sai sứ sang hỏi tại sao. Cát-bá đáp « Vì không có súc vật để cúng ». Vua Thang sai người đem bò dê qua. Cát-bá mổ thịt ăn, mà không cúng. Vua Thang lại sai người qua hỏi tại sao không cúng. Đáp : « Không có xôi để cúng ». Vua Thang sai dân sang cấy cấy cho Cát-bá để Cát-bá có xôi mà cúng ». Sau Cát-bá xúi dân cướp bóc những người sang cấy cấy giúp mình, nên Vua Thang mới bắt

Nho giáo một triết lý chính trị

đắc dĩ phải diệt Cát bá (Mạnh Tử-Đặng Văn-công, hạ).

Truyện ấy có thực hay không, ta không rõ ; nhưng chính sách chinh-phục nước khác bằng đạo-đức và văn-hóa đó, mặc dầu không được luôn-luôn theo đúng, cũng giáng được phần nào tại sao dân-tộc Trung-Hoa, thời Nghiêu, Thuấn chỉ chiếm một khu-nhỏ hẹp trên lưu-vực Hoàng-Hà mà rồi lãnh thổ mỗi ngày một lan dần ra, tới đời Thanh, thành một nước lớn nhất thế-giới. Họ đồng-hóa được những dân-tộc mà họ chinh phục, họ lại đồng hóa được cả những dân-tộc đã thắng họ, như Kim, Nguyên, Thanh. Điều đó làm cho người phương Tây rất lấy làm lạ.

8

Ở đầu thiên *Lễ vận* trong *Kinh Lễ* có một đoạn làm cho nhiều người khảo-cứu về Nho-giáo phân-vân, tức đoạn chép lời Khổng tử nói với Tử Du sau khi ông thở dài buồn bã về việc vua Lỗ cúng-tế không đủ lễ. Đoạn ấy như sau :

« Thực hành đại đạo cùng các bậc anh tuấn đời tam đại thì Khâu này làm không được, nhưng vẫn có chí đó

Ở thời đại-đạo thực hành thì thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giáng điều tìn, sửa điều hòa thuận, cho nên người ta không riêng thân cha mẹ mình, không riêng yêu con mình, kẻ

già được nuôi dưỡng trọn đời, kẻ trẻ mạnh có chỗ dùng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành, người ta thương kẻ goá, con côi, người già cô độc, người tàn tật được chu cấp, con trai có chức phận, con gái có chồng con, người ta ghét thấy của cải bỏ phí trên đất mà lượm lên chứ không chủ ý giấu giếm trong mình, ghét sự không dùng sức, nên làm việc chứ không chủ ý lo lợi riêng cho mình. Vì vậy mà cơ mưu phải bế tắc, kẻ trộm cắp, người làm loạn, làm giặc không nổi lên, cho nền cửa ngõ không cần đóng. Đó là thời **đại đồng**,

« Nay đại đạo đã bỏ, người ta lấy thiên hạ làm của riêng, ai nấy đều riêng thân cha mẹ mình, đều riêng yêu con mình, cho của cải và sức lực là riêng của mình, vua quan thì cha truyền con nối, quốc gia thì lấy thành quách hào trì mà giữ vững, lấy lễ nghĩa làm kỷ cương, làm cho chính cái nghĩa vua tôi, hậu cái tình cha con, thuận cái tình anh em, hòa cái đạo vợ chồng, đặt chế độ, lập điển lý, tôn trọng kẻ trí dũng, lập công khởi sự riêng cho mình. Cho nên sự dùng mưu chước mới sinh ra mà việc chiến-tranh do đó khởi lên. Vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, Thành Vương, Chu Công, bởi đó mà được chọn là bậc hơn cả. Sáu bậc quân tử ấy đều cần thận ở lễ, lễ là để làm cho rõ cái nghĩa, thành điều tin, rõ người có lỗi, lấy nhân làm phép, giáng điều tổn nhượng, bảo dân theo phép thường. Có ai không theo những điều ấy, thì dẫn có thể vị, chúng nhân cũng cho là họa ác, bắt tội mà truất đi. Đó là đời **tiêu khang** » (s).

Một số học-giả gần đây dựa vào đoạn đó mà tuyên truyền cho thuyết đại-dồng, song đa số nhà Nho

Nho giáo : một triết lý chính trị

ngờ đoạn đó do những người đời sau thêm thắt ; có nhà còn nghi rằng cả kinh Lễ và kinh Thư cũng không phải của Khổng-Tử soạn. Dù thuyết đại-đồng và tiểu-khang đó có thực là của Khổng-Tử đi nữa thì ta cũng chỉ nên coi là do ông chán nản mà thốt ra, chứ không phải là chủ trương của ông, vì vậy tôi không cho nó là một tư tưởng của Nho-giáo.

9

Nho-giáo đã không phân biệt chính-trị và đạo-đức thì kết quả tất-nhiên là trọng người hơn chế độ. Đó cũng là một điểm phương Đông khác với phương Tây. Các chính khách Âu-Châu thường nghĩ rằng muốn cải - lương chính-trị trước hết phải cải lương chế-độ, cho nên cách-mạng ở Âu - Châu đều là cách-mạng chế độ. Khi dân-chúng Âu lựa người nào để giao quyền, tức là lựa chủ trương, lựa đường lối của người đó, mà khi một nội các bị lật đổ chính là vì chủ trương của nội-các đó không được tín nhiệm nữa.

Nho-giáo ngược lại, cho rằng chính-nghĩa thực hiện được hay không là do người, chứ không do chế độ, chính-sách. Chế-độ có hoàn-thiện đến đâu, mà những người hành chánh thiếu tài thiếu đức thì kết quả cũng tai hại, vì họ không theo đúng chế độ hoặc bỏ mà không theo. *Trung-Dụng chương 27* nói ; « *Lớn đẹp thay đạo của thánh nhân, ba trăm lễ nghi, ba ngàn uy nghi, đời có người rồi-mới thì hành* » (t) Lại chép lời của Khổng-Tử nói với Ai-Công :

« Việc chính-trị của vua Văn vũ¹ Vũ bày ra ở trong sách. Nếu những người như vua Văn vua Vũ còn thì chính trị ấy được thi hành, nếu những người ấy mất thì chính-trị ấy ngừng. Đạo của người làm cho chính-trị hóa tốt, cũng như đạo của đất làm cho cây tốt ; chính-trị như cỏ bèo, cỏ lư, cho nên làm chính-trị tốt hay xấu là do người» (u) (Chương 20).

Vậy Nho-giáo giáo cho rằng phải cải-thiện cá-nhân rồi quốc-gia được cải thiện, còn phương Tây chỉ nghĩ cải thiện chế-độ quốc-gia để cá-nhân được cải-thiện. Lý-tưởng của Nho-giáo là tạo thành những người chính-nghĩa rồi sau những người đó sẽ thực hành chính nghĩa ; lý tưởng của phương Tây là tạo một chế-độ để kiểm chế chính-khách cho họ rán giữ được chính-nghĩa. Nói cho gọn thì nhà Nho dùng **đức-trị** và **nhân-trị** (1) còn Âu tây dùng **pháp-trị**, khác nhau chỉ ở chỗ đó.

Theo tôi, chế độ quân chủ của Trung-Hoa tồn tại được mấy ngàn năm, đã đành là do nền kinh tế của họ xây dựng trên nông nghiệp, không biến đổi mấy, nhưng cũng còn do họ tin rằng chế-độ không quan-trọng bằng người. Mỗi khi chịu chính-sách bạo ngược của một hôn quân, họ chỉ cho là lỗi tại ông vua đó, chứ không phải tại chế-độ quân-chủ. cho nên họ làm cách-mạng để lật ông vua đó, đưa người khác lên mà vẫn giữ chế độ cũ. Vì vậy ở Trung-Hoa ta thấy nhiều cuộc thay triều đổi ngôi hơn ở các nước Châu Âu.

1) Chữ NHÂN này nghĩa là NGƯỜI. Trọng tư cách của người cầm quyền. hơn là chế độ, đó là thuyết nhân trị.

10

Theo những nguyên-tắc kể ở trên thì chính-thể của Nho-Giáo tuy là quân-chủ mà có tích-cách dân chủ. Về hình-thức thì là quân chủ ; song quyền lực của vua do dân mà có, vua vì dân mà tồn tại, chứ dân không vì vua mà tồn tại, chỉ khi nào vua làm tròn nghĩa-vụ với dân thì dân mới mang ơn và tôn sùng, và địa vị của vua lúc đó mới chính-đáng, mệnh-lệnh của vua mới được dân theo.

Nhưng chính-thể đó cũng không phải là hoàn toàn dân chủ, vì chủ quyền tuy thuộc về nhân-dân, mà về hạng nhân-dân sáng-suốt, chứ không về hạng nhân-dân duy kỷ, tức hạng mà nhà Nho ám chỉ trong câu « Trời sinh dân có lòng dục, không có chủ thì loạn ». Hạng dân này phải bị chi phối, dắt dẫn ; còn hạng trên; hạng dân chỉ trong câu « Dân muốn cái gì, Trời muốn cái đó » là hạng có quyền giám-sát vua, bắt vua theo lẽ phải.

Nó có vẻ như chuyên chế vì vua đảm đương, tất cả những nhiệm-vụ từ cai - trị đến giáo-hóa và nghiêm cấm đảng phái, nhưng nếu ta xét rằng những phương-tiện để chuyên chế như võ-lực và hình phạt đều bị nhà Nho mật sát thì ta lại thấy chính-thể của đạo Nho không chuyên-chế chút nào cả. Có lần Quý Khang Tử hỏi Khổng-Tử : « Giết kẻ vô đạo để cho dân có đạo-đức, như vậy nên không ? »

Ông đáp : « Làm chánh-trị, cần gì phải dùng đến giết người ? Ông thích điều thiện thì dân sẽ hóa thiện » (v) (Luận-ngữ — Nhan.Uyên)

Muốn tóm tắt, ta có thể nói rằng chính thể của Nho giáo là một chính-thể **chuyên chế của nhân và trí**.

Theo đúng chế-độ ấy là thực-hành được vương đạo ; nếu không dùng nhân nghĩa để trị dân, mà dùng sự thưởng phạt cho công bằng, làm cho dân giàu và mạnh, là thi-hành bá-đạo nếu chỉ nghĩ đến cái lợi cho mình, là theo con đường mất nước.

Sự phân-biệt ba lối chính-trị ấy là một chủ-trương chung của các nhà Nho mà Tuân-Tử đã ghi lại trong chương *Vương bá*

Vương đạo.— « Đem cả nước mà hô-hào làm việc lễ nghĩa và không làm gì hại đến lễ nghĩa. Làm một điều bất nghĩa, giết một người không có tội mà được thiên-hạ thì kẻ nhân-giả không làm. Cứ vững giữ lòng mình mà giữ nước. Được như thế thì thật là vững chắc lắm vậy. Những người cùng với mình làm việc ấy đều là nghĩa-sĩ, những hình pháp đem bày tỏ ra cho quốc-gia đều là pháp nghĩa. Những điều mà nhân chủ đã thật tin và đem quần thần qui hướng cả về đó, đều là cái ý chú vào việc nghĩa. Như thế thì kẻ dưới lấy nghĩa mà trông cậy người trên, ấy là cơ-bản định vậy. Cơ-bản đã định thì nước định, nước định thì thiên-hạ định Không bởi có gì

Nho giáo một triết lý chính trị

khác, chỉ bởi cái cơ cố làm cho nên việc nghĩa. Ấy là việc nghĩa lập mà làm vương vậy ».

Bá-đạo,— « Đức tuy chưa đến cùng cực, nghĩa tuy chưa nên hẳn, song cái lý của thiên-hạ cũng lược có tiết tấu. Hình pháp thường phạt làm tin cho thiên hạ, kẻ bầy tôi ở dưới đều hiểu rõ mà biết những điều ước. Cái chính-lệnh đã bầy ra thì dẫu thấy rõ điều lợi của mình hỏng, nhưng cũng không lừa dối dân; đã kết-ước với nước nào thì dẫu thấy rõ điều lợi của mình hỏng, nhưng cũng không lừa dối người. Như thế thì binh mạnh, thành bền, địch quốc sợ mình, cả nước một nền, dân với nước đều tin. Tuy ở nơi hẻo lánh, cũng có uy động cả thiên hạ,.., Song không phải là hết lòng sửa cái gốc ở sự chính và sự giáo, không phải là lấy văn-lý làm căn-bản, không phải là làm cho lòng người ta phục. Làm điều gì thì xu-hướng về phương-lược, xét việc gì thì dùng cái thuật lấy dật dãi lao, nghiêm cần sự súc-tích, sửa-sang việc chiến-bị, trên dưới một lòng tin nhau, thiên hạ không ai dám đương với mình. Không bởi ¹cớ gì khác, chỉ bởi lược thủ cái tin mà làm. Ấy thế gọi là tín lập mà làm bá vậy ».

Vong quốc chi đạo.— « Đem cả nước mà hô-hào làm công lợi, không cần mở cái nghĩa, giữ cái tín, chỉ cốt cầu lợi. Trong thì không sợ đối

dân đề cầu cái lợi nhỏ, ngoài thì không sợ đối nước thân với mình để tìm cái lợi lớn. Trong không lo sửa cho ngay chính những thồ địa tài hóa của mình, mà lại muốn những thồ địa tài hóa của người, như thế thì kẻ thần hạ và trăm họ ai chẳng lấy lòng giả-dối mà đối-dãi với người trên. Người trên đối người dưới, người dưới đối người trên, thế là trên dưới chia rẽ nhau ra, như thế thì địch khinh mình, mà nước thân với mình ngờ vực mình ngày ngày dùng quyền mưu mà nước không khỏi sự nguy hiểm, đến cuối cùng là mất nước . . . Ấy không bởi có gì khác, chỉ bởi không dùng lễ nghĩa mà chỉ dùng quyền mưu vậy » (1)

Nhà Nho nào có tâm hồn cũng mong thực hành vương đạo không được thì vạn bất đắc dĩ mới phải dùng bá đạo. Sử chép Vệ-Uởng lại yết kiến Hiếu Công, thuyết vương đạo, Hiếu-Công không nghe, phải thuyết bá đạo, Hiếu-Công mới chịu nghe, về nhà phàn-nàn với bạn : « Đức của nhà vua khó mà ví với đời Ân, Chu được. »

Nói gì tới những bậc như Khổng-Tử và Mạnh Tử. Tuy suốt đời đi lang thang khắp các nước, khát khao được thực hành đạo mình, mà hề gặp ông vua nào không có chí theo vương đạo thì cũng bỏ đi liền. Khổng Tử còn làm quan được ít năm chứ Mạnh

1) Trần trọng Kim dịch — Nho giáo. Sách đã dẫn

Nho giáo : một triết lý chính trị

Từ trước sau chỉ làm khách khanh nước Tề có vài tháng, hồi ông 55 tuổi. Làm khách khanh nghĩa là nhận tước khanh chứ không nhận bổng-lộc. Rủi cho ông, mà cũng rủi cho dân Trung Quốc, vua Tề tuy trọng ông, nhưng có đủ các tật : tật thích tiền, tật thích chiến tranh, tật hiếu sắc. Chắc bạn còn nhớ câu trong *Cung oán*.

Bệnh Tề Tuyên đã nói lên đùng đùng. (1)

Tề Tuyên Vương chính là ông vua Tề đó. Thành-thử, có lòng chí thành, có tài hùng-biến như ông, chỉ vì cố giữ nguyên tắc « *phi Nghiêu, Thuấn chi đạo, bất cảm dĩ trần ư vương tiền* » (không phải là đạo của Nghiêu, Thuấn thì không dám bày tỏ với vua), mà đành ôm hận, và than thở

« *Người nọ trẻ thì học đạo Nghiêu, Thuấn, lớn lên muốn thực hành ; ngờ đâu nhà vua lại bảo « Hãy bỏ sở học của chú đi mà theo ý ta » thì biết làm sao bây giờ ? » (w)*

Những tiếng « *biết làm sao bây giờ ?* » chua xót cho ông biết bao ! (u)

(1) Thực ra tật hiếu sắc của Tề Tuyên Vương còn kém Kiệt, Trụ xa ; nhưng chỉ nội một tật thích chiến tranh cũng đủ cho Mạnh Tử không thể giúp ông được

CHÍNH-SÁCH XÃ-HỘI

- 1.— « Phú » rồi mới « giáo »
 - 2.— Chính-Sách xã-hội ở Trung-Quốc có sớm hơn ở phương Tây.
 - 3.— Chính-Sách xã-hội của Mạnh-Tử.
 - 4.— Phép lĩnh điền.
-

1

Nho-giáo cho rằng trị nước là giữ trật-tự trong nước, muốn giữ được trật-tự đó thì trên dưới phải giữ lễ nghĩa, cho nên rất trọng sự giáo dục. Nhưng sự giáo-dục chỉ có nhiều hiệu-quả khi nào dân được đủ ăn, vì vậy chính-sách xã-hội phải đi trước chính-sách giáo-hóa.

Khổng Tử có lần đến nước Vệ, thấy dân đông đúc, khen : « Dân đông thật ! » Học-trò là Nhiễm Hưu hỏi : « Dân đã đông rồi, còn phải làm gì thêm nữa ? » Đáp : « Phải làm cho dân giàu — Đã giàu rồi, phải làm gì thêm nữa ? — Phải dạy dân » (a)
(Luận-ngữ — Tử-Lộ).

Nho giáo một triết lý chính trị

Lần khác, Tử-Cống hỏi về chính sách chính trị, ông cũng khuyên trước hết phải lo cho dân đủ ăn (*Túc thực, túc binh, dân chi tín hỹ* — *Luận-ngữ* — *Nhan Uyên*). (b)

Mạnh-tử cũng nghĩ rằng dân có hàng-sản rồi mới có hàng tâm, mà nhiệm-vụ của đứng minh quân là « *chế định tài-sản của dân, cho dân ngừng lên thì đủ thờ cha mẹ, cúi xuống thì đủ nuôi vợ con, năm được mùa thì no đủ, năm mất mùa thì không đến nỗi chết đói. Được vậy rồi mới bắt dân làm điều lành thì dân rất dễ theo điều lành* » (*Mạnh-Tử* — *Lương-Huệ-Vương, thượng*). (c)

2

Chính-sách xã-hội đó gốc ở quan-niệm Thượng-Đế là chí nhân. *Dịch-Thoán thượng truyện* có câu : « *Trời đất nuôi vạn vật, thánh-nhân nuôi hiền để đạt đến khắp vạn dân* », nghĩa là Trời đất nuôi vạn vật thì thiên-tử thay trời, cũng phải dùng những người hiền để nuôi nhân dân.

Có lẽ nhờ ở quan niệm ấy mà chính sách xã-hội ở Trung-Hoa phát-hiện sớm hơn ở phương Tây. Ở Anh, mãi tới triều nữ-hoàng Elisabeth (thế-kỷ 16), sự cứu bần cho dân mới được nhà cầm quyền lưu tâm tới, nhưng công-việc đó chẳng qua cũng chỉ được coi là một công-việc từ thiện, chứ chưa thành một nhiệm-vụ của chính-phủ. Thời đó người Âu còn nghĩ rằng

dân đói rét là tại dân, chứ không tại chính-sách của triều-đình.

Hai thế-kỷ sau, Leibniz mới vạch rõ bốn phận của nhà cầm quyền là phải lo cho dân đủ ăn, đủ mặc ; rồi sau các nhà xã-hội học như Robert Owen, Saint-Simon, Louis Blanc, Fourier..., kể trước người sau, tuyên-bố quyền lợi của lao-động.

Ở Trung Hoa trái lại, ngay từ thời Xuân Thu, Chiến-quốc, sự nuôi nấng, bảo hộ nhân dân đã được coi là một nhiệm-vụ gốc ở sự công bằng, phải thực-hành cho khắp nhân dân, chứ không phải là một sự bố thí, gia ân cho một số người nghèo khó. Tử-Sản, một quan đại-phu nước Trịnh, có tiếng là nhân-từ, thường lấy xe của mình đi mà độ người qua sông Trăn, Sông Vị. Mạnh-Tử chê như vậy là chỉ biết thi những ân nhỏ mà không biết làm chính-trị. Làm chính-trị thì phải thi cái ân lớn, dựng cầu cho dân qua sông, « *chứ làm vui lòng mỗi người thì suốt ngày cũng không đủ* » (Mạnh-Tử — Ly-Lâu-hạ) (d)

3

Ông là người hô-hào chính-sách xã-hội mạnh mẽ nhất. Hễ nhắc tới vấn-đề đó là giọng hùng hồn, lôi cuốn.

Một lần ông nói với Lương Huệ-Vương :

« Không làm trái thời cày cấy của dân thì

lúa thóc ăn không hết, cấm dân dùng lưới mau quá
đề đánh cá thì cá rùa ăn không hết, cho dân đồn
rừng có thời thì cây dùng không hết, lúa thóc cá
rùa ăn không hết, cây dùng không hết thì dân nuôi
được kẻ sống và chôn được kẻ chết, không có gì oán
hận nuôi được kẻ sống, chôn được kẻ chết,
không có gì oán hận là bước đầu của vương-đạo.
Nhà nào có năm mẫu mà trồng dâu thì người năm
chục tuổi có lụa đề mặc, nuôi gà heo chó cho kịp thời
thì người bảy chục tuổi có thịt đề ăn, ruộng trăm
mẫu mà cấy cấy cho kịp thời thì nhà nhiều miệng
ăn khỏi phải đói (...). Kẻ bảy chục tuổi có lụa đề
mặc, có thịt đề ăn, dân chúng không đói, không
rét, như vậy mà không làm vương (tức chủ các
vua chư hầu) thì là điều chưa có » (e) (Lương
Huệ-Vương, thượng)

Chương Tận-tâm, thượng cũng có câu : « Nhà
có năm mẫu mà trồng dâu ở dưới chân tường, rồi
đàn bà nuôi tằm, thì người già có đủ lụa đề mặc ;
nuôi năm con gà mái, hai con heo nái cho kịp thời
thì người già có thịt đề ăn ; ruộng trăm mẫu để
trai tráng cấy cấy thì nhà tám miệng ăn sẽ không
đói ».

Gập Tề Tuyên Vương ông khuyên « già mà
không có vợ, gọi là « quan », già mà không có
chồng gọi là « quả » già mà không có con, gọi là

« độc » trẻ mà không có cha, gọi là « cô » Bốn hạng ấy là hạng cùng dân, không biết kêu vào đâu. Vua Văn-Vương thi-hành chính-trị và nhân đạo, nghĩ tới bốn hạng đó trước hết » ! (f) (Lương Huệ Vương, hạ)

Dân đủ ăn đủ mặc, kẻ khốn cùng có chỗ nương tựa rồi thì dân mới vui ; và lúc đó nhà vua có thể vui chơi mà dân không oán

« Vua chơi nhạc ở đây, bách tính nghe tiếng trống, tiếng chuông, tiếng sáo, tiếng tiêu của nhà vua, đều vui vẻ, có sắc mừng mà bảo nhau : « Vua ta chắc mạnh-khỏe, cho nên mới chơi nhạc được ». Vua săn bắn ở đây bách tính nghe tiếng xe tiếng ngựa của vua, thấy cờ sí đẹp-đẽ, đều vui-vẻ có sắc mừng, bảo nhau « Vua ta chắc mạnh khỏe, cho nên mới đi săn được như vậy. » Có do lẽ gì khác đâu, chỉ do lẽ cùng vui với dân vậy » (g) (Lương Huệ-Vương, hạ)

Tiền lên bạc nữa, nếu vua cho dân vui chung với mình, thì tốn kém đến đâu, dân cũng không cho là xa-xí ; trái lại, nếu để dân cực khổ mà vui riêng một mình thì tội nặng cũng bằng giết dân.

Tề Tuyên-Vương hỏi Mạnh-Tử

— Vườn của vua Văn-vương vuông bảy chục dặm, điều đó có không ?

Nho giáo : một triết lý chính-trị

Mạnh-Tử đáp

— Theo truyền thì có.

— Sao mà lớn như vậy ?

— Vậy mà dân còn cho là nhỏ đấy.

— Còn vườn của quả nhân chỉ rộng có bốn chục dặm mà dân cho là lớn, là tại sao ?

— Vườn của vua Văn-vương rộng bảy chục dặm, nhưng người cắt cỏ kiếm củi vô được, kẻ bắt trĩ bắt thỏ vô được. Cho dân cùng chơi trong vườn với mình, cho nên dân cho là nhỏ, cũng là phải chứ ? Tôi hỏi mới tới bờ cõi nước Tề, hỏi về những điều đại cấm ở trong nước rồi mới dám vô nước. Tôi nghe nói ở ngoài kinh-đô có vườn ruộng bốn chục dặm, mà kẻ nào vô đó giết hươu nai thì bị trị tội như giết người, như vậy thì ruộng bốn chục dặm, khác gì cái hầm hố để bẫy dân không ? Dân cho là rộng cũng là phải chứ ? » (h)
(Lương Huệ-Vương, hạ)

Trong chương Lương Huệ-Vương, thượng giọng ông còn mạnh mẽ hơn nữa :

« Nếu trong bếp nhà vua (chỉ Lương Huệ-vương) có thịt béo, trong chuồng ngựa nhà vua có ngựa mập mà dân có sắc đói, trong đồng ruộng có người chết đói, thế là cho thú ăn thịt người (1) Loài thú ăn thịt lẫn

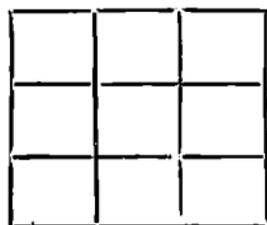
(1) Vì nhà vua lấy thức ăn của dân để nuôi heo, ngựa của mình, đến nỗi dân chết đói.

nhau, người ta còn ghét, huống-hờ làm cha mẹ dân, thi-hành chính trị mà lại để cho loài thú ăn thịt người thì sao phải là cha mẹ dân ? » (i)

4

Đặc-sắc nhất của chính-sách xã-hội trong Nho-giáo là rất chú trọng đến sự làm cho tài-sản của dân không chênh-lệch nhau quá. Khổng-Tử biết rằng trong nước có những kẻ giàu quá, những kẻ nghèo quá thì khó giữ được cho khỏi loạn. Ông nói : « Người trị nước và trị nhà không lo tài-sản có ít mà lo tài-sản chia không đều, không lo nghèo mà lo không yên ổn » (j) (*Luận-ngữ — Quý-thị*). Về điểm đó, tư-tưởng của Trung Quốc tiền trước tư tưởng Âu tây ít nhất là hai ngàn năm.

Chia ruộng đất cho đều theo phép tính điền là một chính-sách mà Mạnh-Tử rất ca ngợi. Phép đó là chế-độ cộng-sản nguyên-thủy còn sót lại của Trung-Quốc. Theo truyền-thuyết, phép đó có từ đời Hoàng-Đế. Mỗi miếng đất vuông-vức, rộng là chín trăm mẫu, chia làm chín phần bằng nhau như hình ở



bên trái, mỗi phần trăm mẫu. Tám phần ở chung quanh chia cho tám gia-đình ; phần ở giữa để ra hai mươi mẫu làm chỗ ở cho tám gia-

đình, còn lại tám chục mẫu thì tám nhà phải cấy cấy chung nộp lúa cho nhà vua.

Đời Hạ mỗi nhà được chia năm chục mẫu, đời Ân mỗi nhà được bảy chục mẫu ; đến đời Mạnh Tử, chế-độ bị bãi bỏ từ lâu, ông muốn phục-hồi lại và khuyên nhà vua dạy dân tinh-thần liên-đới, thân-hòa với nhau, giữ-gìn giặc-cướp cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau. (*Mạnh-Tử — Đàng Văn-Công*).

Chính sách chia ruộng đó, cứ lâu lâu lại được các vua Trung-Quốc áp-dụng lại. Như đời Hán, Võ-Đế và Vương-Mãng đều muốn lấy đất đai của địa chủ lớn chia cho dân nghèo theo phép tĩn-điền ; đời Lục Triều, nhà Tần hạn-chế số ruộng của hạng vương tôn và phát cho dân nghèo mỗi người bảy chục mẫu ; đời Hậu Ngụy, mỗi người được cấp bốn chục mẫu khi chết phải trả lại triều-đình, thêm hai chục mẫu nữa cho đứt để truyền tử lưu tôn ; đời Tống, Vương An Thạch cũng chủ-trương nhiều cải cách xã-hội rất mạnh bạo mục-đích là cho tình trạng «bất quân» bớt được phần nào (1),

Vậy, nhờ tinh-thần Nho-Giáo, nhờ câu « *bất hoạn quả nhi hoạn bất quân* » của Khổng Tử mà các

(1) Goi thêm Lịch sử thế giới I và II của Nguyễn Hiến-Lê và Thiên-Giang.

nhà cầm quyền Trung-Hoa thời xưa đã sớm biết lo vấn-đề điền địa cho dân, tìm cách hạn-chế cho tài sản không chênh-lệch nhau quá. Có lẽ đó là một nguyên nhân làm cho xã-hội Trung-Hoa giữ được tính-cách tương-đối quân bình và chế-độ quân-chủ lâu bền được hàng mấy ngàn năm.

(1) Chú thích về đơn-vị MẪU

Hai bộ TỪ HẢI và TỪ NGUYÊN đều cho mỗi mẫu bằng 6.144 mét vuông, nhưng ta chỉ nên coi số đó là một số phỏng chừng, vì những đơn vị đo, lường ở Trung Hoa thời xưa tất phải thay đổi ít nhiều tùy thời và tùy miền. Cứ xem như ở nước nhà, mỗi mẫu ta ở Bắc là 3.600 mét vuông, mà ở Trung là 5.000 mét vuông, thì đủ biết đơn vị mẫu ở Trung Hoa và Việt Nam hồi xưa không thống nhất và bất biến như đơn vị hectare của Âu-châu thời nay.

CHÍNH-SÁCH GIÁO-HÓA

- 1.— Nho-giáo rất trọng sự học.
 - 2.— Tồ-chức học-hiệu.
 - 3.— Khoa-học, nghệ-thuật đều có tinh cách đạo-đức.
 - 4.— Học là để hành.
 - 5.— Hai hạng người.
 - 6.— Hai lối dạy.
-

1

Xét các tôn-giáo và triết-ly, chỉ Nho-giáo là trọng sự giáo dục hơn cả vì hai lẽ : lẽ thứ nhất là Nho-giáo đã coi trí gàn ngang với đức thì tất nhiên phải khuyến-kích sự dạy-dỗ ; lẽ thứ nhì là Nho-giáo cho nhiệm-vụ giáo-hóa dân cốt yếu cùng gàn bằng nhiệm-vụ xã-hội, mà công-hiệu của giáo-dục còn hơn công-hiệu của chính trị : « Muốn được dân thì chính-trị tốt không bằng giáo-dục tốt, vì chính-trị tốt thì dân sợ, còn giáo-dục tốt thì dân yêu ; chính-trị tốt thì dân giàu mà nước cũng giàu, còn giáo-dục tốt thì được lòng dân ». (Mạnh Tử) (a).

Chính Khổng Tử là một gương hiếu học và tận

tâm trong sự dạy học. Ông tự xét ông : « *Thăm lặng nghĩ-ngợi mà biết các lẽ, học mà không chán, dạy người mà không biết mệt, ba điều ấy ta đã làm được đâu ?* » (b) (*Luận-ngữ — Thuật nhi*).

Lại nói : « *Ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là người thích đạo thánh hiền đời trước, cố sức mà tìm hiểu cho được* ». (c) (*Luận-ngữ — Thuật nhi*); « *Trong cái ấp mười nhà, tất có người trung tín như Khâu này, nhưng không có người hiểu học như Khâu* ». (d) (*Luận-ngữ — Công Dã Tràng*); « *Ta thường suốt ngày không ăn, thâu đêm không ngủ để suy-nghi ; vô ích, không bằng học* ». (e) (*Luận-ngữ — Vệ Linh-công*). Ông lo học không kịp, tới bảy chục tuổi còn nói : « *Giá ta được sống thêm vài năm nữa để học Dịch cho trọn, thì có lẽ không có điều lăm lớn* ». (*Luận-ngữ — Thuật nhi*) (f).

Ai cũng biết rằng Nho-giáo chủ-trương sự điều-hòa tình-cảm : « *Hỉ, nộ, ai, lạc chưa phát ra thì gọi là trung, phát ra mà đều trúng tiết thì gọi là hòa, trung là cái gốc của thiên hạ, hòa là cái thống đạt của thiên hạ* ». (g) (*Trung-dụng*); nhưng phần đông chỉ nhớ phương-pháp điều-hòa tình-cảm bằng lễ nhạc, tức phương-pháp áp-dụng chung cho mọi người, mà quên phương-pháp dùng lý-trí để hướng dẫn tình cảm, tức phương-pháp áp-dụng riêng cho hạng trí-thức. Công dụng của phương-pháp thứ nhì đó đã được Khổng Tử vạch rõ

trong câu: « Muốn nhâu mà không muốn học thì bị cái che mờ là ngu; muốn trí mà không muốn học thì bị cái che mờ là cao kỳ thái quá; muốn tín mà không muốn học thì bị cái che mờ là hại nghĩa; muốn trực mà không muốn học thì bị cái che mờ là ngang-nganh; muốn dũng mà không muốn học thì bị cái che mờ là táo bạo khinh suất. (Luận-ngữ — Dương-Hóa) (h). Đọc câu đó ta hiểu được sự quan-trọng đặc-biệt của sự học trong con mắt nhà Nho. Nhưng đức như nhân, nghĩa, dũng mà không có sự học hướng dẫn thì cũng vô dụng và tai hại.

2

Một điều làm vẻ-vang cho dân-tộc Trung-Hoa là từ đời thượng-cổ họ đã có một tổ-chức giáo-dục gần hoàn bị và bao trùm khắp nước. Thời vua Thuấn (thế-kỷ 23 trước Tây-lịch), đã có học-hiệu; đến các đời sau là Hạ, Thương, Chu, họ phân-biệt đại-học và tiểu-học. Kinh Lễ, thiên Học ký chép: « Giáo-dục ngày xưa, ở nhà thì có « thực » ở chỗ « đẳng » thì có « tường », ở chỗ « thuật » thì có « tự », ở nước thì có « học ». (i) Trịnh Huyền giải nghĩa rằng năm trăm nhà là một « đẳng », mười hai ngàn rưởi nhà là một « thuật ».

Lâm Ngữ Đường chú thích khác: mỗi xóm hai mươi lăm nhà thì có một « thực », năm trăm nhà thì có một « tường », hai ngàn rưởi nhà thì có một

Nho giáo : một triết lý chính trị

« tự », và tại kinh đô mỗi nước có một « học ». Ta không cần biết những con số của Trịnh hay của Lâm đúng, chỉ nên nhớ rằng hiện nay nhiều quốc-gia chưa có được một tổ-chức như vậy.

Về chương trình dạy học, Lâm Ngữ Đường nói :

« Mỗi năm người ta thu nhận học-trò mới và cứ hai năm có một kỳ thi. Cuối năm thứ nhất, người ta xét cách chăm câu của học-sinh và rón tìm thiên-tư của chúng. Sau ba năm, người ta rón xét tập quán chuyên-cần và tinh-thần đoàn-thể của chúng. Sau năm năm người ta xét sức học của chúng và xem chúng có theo đúng lời thầy dạy không. Sau bảy năm, người ta xét sự tiến-triển của tư tưởng cùng cách lựa bạn để giao-du của chúng. Đó là cấp tiểu học.

« Sau chín năm, học-sinh phải biết mọi đầu-đề, có một sự hiểu biết tổng quát về đời sống và có một nhân-cách xây-dựng vững-vàng trên những quy-tắc mà chúng không thể rời được. Đó là cấp đại học » (1).

Vậy nên tiểu học là bảy năm, nền đại học là hai năm, vừa luyện đức vừa luyện trí. Ba, bốn ngàn năm trước mà sự giáo huấn ở Trung-Hoa đã được như vậy, thực đáng cho ta khâm phục.

1) La Sagesse de Confucins. Nhà Victor Attinger 1919.

3

Tuy luyện trí, song mục-đích cuối cùng của giáo-đục vẫn là tạo nên con người đạo-đức, đạo-đức một cách sáng-suốt.

Theo *Lễ-ký*, trẻ em mười tuổi bắt đầu đi học, mười ba tuổi học nhạc, thư, bắn cung ; sau dạy thêm lễ, đánh xe, toán-pháp, cho đủ lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số). Nhưng những môn đó đều là phụ ; điều quan-trọng là « *Người đi học, vào thì hiếu, ra thì lễ ; cần mà tin, yếu miễn mọi người mà thân-cận với người nhân ; làm được những điều ấy rồi, có thừa sức mới học văn* ». (j) (*Luận-ngữ — Học nhi*) Khổng Tử còn nói : « *Đề chí vào cái đạo, giữ lấy cái đức, tựa vào cái nhân, ưu du ở nghệ-thuật* » (k) (*Luận-ngữ — Thuật nhi*). Ông cho nghệ-thuật ở sau đạo-đức, cơ-hồ bắt nghệ-thuật, kỹ thuật phải có tính-cách đạo-đức nữa.

Như *Thượng-Thư* là một bộ sử, thuộc về loại khoa-học mà cũng luận về nguyên-lý trị nước, bình thiên-hạ.

Kinh Thi là một tập sưu-tầm ca dao và các bài hát ở triều-đình mà Khổng-Tử cũng dùng vào việc giáo-hóa : « *Ba trăm bài trong tập Thi, lấy một lời là nói trùm cả : là không nghĩ bậy* » ; (l) (*Luận-ngữ — Vi chính*).

Lại nói « *Đọc tập Thi có thể cảm phát ý chí,*

Nho giáo một triết lý chính trị

có thể xem xét điều hay điều dở, có thể hòa-hợp mà không lưu đãng, có thể bày tỏ cái sâu oán mà không giận. Gần là ở trong nhà thì biết cách thờ cha, xa ra ngoài thì biết cách thờ vua.» (Luận-ngữ — Dương-Hóa) (m)

Kinh Dịch cũng chứa một triết lý về cách trị dân và xử thế. Khổng Tử nói « Thánh nhân dùng đạo Dịch để thông được cái chí của thiên hạ, định được công-nghiệp của thiên-hạ, đoán được cái ngờ của thiên-hạ » (n)

Kinh Xuân Thu về hình-thức là một bộ sử biên niên mà về nội dung thì chứa cái ý bình-luận thời-sự, vạch đường ngay cho kẻ cầm quyền, cho nên Mạnh Tử nói « Khổng-Tử viết Xuân Thu mà loạn thần tặc-tử sợ » (o) (Đặng Văn-công, hạ)

Còn *Kinh Lễ* và *Nhạc* có tính-cách giáo-hóa ra sao, ở một chương trên tôi đã xét rồi, xin miễn nhắc lại.

Tóm lại, khoa-học, nghệ-thuật theo Nho giáo, không như khoa-học và nghệ-thuật phương Tây chỉ tìm cái Chân, cái Mỹ vì cái Chân, cái Mỹ; mà có mục-đích thực tiễn là trị thiên-hạ, giữ trật-tự trong xã-hội, là hành đạo.

« Đọc ba trăm bài Thi, giao cho chính quyền mà không đạt được. sai đi ra ngoài bốn phương mà không biết đối-phó thi học nhiều mà làm gì? (Luân-Ngữ — Tử-Lộ).

4

Vì vậy nhà Nho chân-chính nào cũng cầu được ra làm quan, không phải là để vinh thân phì gia mà để giúp đời.

Chu Tiêu hỏi Mạnh-Tử : *Người quân-tử đời xưa có làm quan không ?* Mạnh-Tử đáp : *« Làm quan. Truyền chép rằng Khổng-Tử ba tháng không làm quan thì ngong ngóng không yên. Người đời xưa ba tháng không làm quan thì bần bề tới chia buồn. — Ba tháng không làm quan mà chia buồn chẳng phải là gấp quá chăng ? — Kẻ sĩ mất chức cũng như vua chư-hầu mất quốc-gia (...), như vậy chẳng đáng chia buồn sao ? Lại hỏi : « Kẻ sĩ ra khỏi cõi tất mang lễ vật là tại sao ? » Đáp : « Kẻ sĩ làm quan cũng như nông phu cấy ruộng . Nông phu há vì lễ ra khỏi cõi mà bỏ cấy bừa đi sao ? (1)*

Sau Chu Tiêu có ý trách Mạnh Tử sao không yết-kiến các vua chư-hầu, ông đáp « Người xưa ai cũng muốn làm quan, nhưng lại ghét sự làm quan mà không hợp đạo », nghĩa là ghét sự cầu cạnh, luôn cúi để làm quan (p) (Đường Văn công, hạ).

Tử Cống cũng có lần trách Khổng-Tử như vậy « *Mình có ngọc quý nên giấu kín trong rương*

1) Thời đó có tục kẻ sĩ chưa làm quan thì đi đâu cũng mang theo lễ vật kẻ yết-kiến các nhà cầm quyền.

Nho giáo : một triết lý chính trị

hay nên cầu giá cao mà bán ? » Ông đáp : « Bán đi chứ ! Bán đi chứ ! Ta đợi được giá đây » (q) (Luận Ngữ — Tử hãn) Lời đó tuy là lời nói đùa song cũng cho ta thấy rằng ông vẫn mong gặp ông vua nào biết thực-hành đạo của ông. Cho nên ông bôn ba hàng chục năm để tìm minh quân, đến nỗi có kẻ chê ông là « biết không thể làm được mà cứ làm » (Luận-ngữ — Hiến văn), hoặc khuyên ông đừng lo cho đời nữa « *Uà-uà như nước chảy một chiều, thiên hạ đều thế cả, ai mà theo mình để sửa đổi việc loạn ra trị* », ông buồn rầu đáp : « *Nếu thiên hạ có đạo thì Khâu này còn dự đến việc thay đổi làm gì ?* » (r) (Luận-ngữ — Vi-ử)

Vậy, Nho-giáo tuy không nói rõ ra, song chủ-trương rằng muốn hành thì phải tri (phải học) mà **tri rồi thì phải hành**. Vương Dương Minh sao này phát huy thuyết tri hành hợp nhất, gốc cũng ở những tư tưởng cùng quan-niệm của Khổng-Tử, Mạnh-Tử mà ra.

5

Khổng-Tử và Mạnh-Tử đều tin rằng loài người bẩm thụ tính thiện của trời.

Khổng-Tử nói : « *Người sinh ra vốn ngay* » (r) (Luận-ngữ — Ung dã); (s) lại nói « *Tính người ta ai cũng gần như nhau, vì tập quán mà tính mỗi người*

mới hóa ra khác xa nhau ». (Luận-ngữ — Dương-Hóa) (t) (1).

Còn Mạnh-Tử thì nói : « Tính người ta làm lành như nước chảy xuống chỗ thấp. Người ta không ai không thiện, nước không lúc nào không chảy xuống chỗ thấp ». (Cáo tử, thượng) và « Cứ theo cái bản năng của người ta, ai cũng có thể làm điều lành, cho nên mới nói là thiện ». Ông chứng minh « Người ta ai cũng có lòng trắc ẩn, ai cũng có lòng tu ố, ai cũng có lòng cung kính, ai cũng có lòng thị phi. Lòng trắc ẩn là nhân, lòng tu ố là nghĩa, lòng cung kính là lễ, lòng thị phi là trí. Nhân, nghĩa, lễ, trí, không phải ở ngoài mà đúc thành đũa, mà có sẵn ở trong lòng người ta đấy ». (Cáo tử, thượng). (u) Ông còn tin chắc rằng bất kỳ người nào hề tu tâm dưỡng tánh thì cũng thành Nghiêu, Thuấn được.

Đó là về phương-diện đức-dục, còn về trí-dục thì Khổng Tử phân-biệt hai hạng người tư-chất cao thấp khác nhau : hạng từ bậc trung trở lên và hạng từ bậc trung trở xuống. Đối với hạng trên, có thể giảng những điều cao-xa được, còn đối với hạng dưới, thì chỉ « có thể khiến họ theo lẽ phải mà không thể cho biết nguyên-lý được » (Dân khả sử do chi, bất khả

(1) Về nguyên tắc thì vậy, trong thực tế thì ông nhận rằng có hai hạng người thượng trí và hạ ngu là tính không thay đổi, hạng trên vì sáng suốt, không bị mê hoặc, hạng dưới vì mê muội, không thấy điều phải, hoặc thấy mà không làm. Về điểm đó, Mạnh Tử lạc quan hơn.

sử tri chi — *Luận-ngữ* — *Thái-bá*). (v) Có lẽ ông cho rằng ngay trong đám môn đệ giỏi của ông, cũng có những điều không thể đem giảng ra được. *Luận-ngữ* chép ông rất ít nói đến mệnh Trời, đến điều quái lạ, đến thần-thánh. (*Luận-ngữ* — *Tử hân* và *Thuật nhi*).

Mạnh-Tử cũng theo quan-niệm đó, cho nên nói : « Suốt đời theo đạo mà không biết đạo là dân chúng ». (w) (*Tận tâm, thượng*). Tuy-nhiên đó chỉ là xét chung, chứ ông cũng nhận rằng trong đám bình dân vẫn có những đại đức, đại trí ; và hình như ông có cảm-tình riêng với hạng người đó nữa. Ông bảo :

« Vua Thuấn ở trong đám dân cày xuất thân. Ông Phó Duyệt (thủ tướng cho vua Cao Tôn đời Thương) ở trong đám thợ nề xuất thân. Ông Dao Cách (một danh thần) ở trong phường mắm muối xuất thân. Ông Bách Lý Hề (cũng một hiền thần) ở trong đám bán trâu xuất thân. Trời muốn giao trách-nhiệm lớn cho ai thì trước hết bắt họ khổ tâm chí, mệt gân xương, đói khát đến xác thịt, nghèo thiếu đến thân thể, lúng túng trong hành động để họ phát động lòng tốt, đè nén tính xấu mà tăng ích tài năng lên ». (x).

6

Do chủ-trương trên mà phương-pháp giáo hóa khác nhau tùy hạng người.

Đối với hạng trung-nhân dĩ hạ, Nho-giáo chỉ cốt gây cho họ có những hoàn-cảnh tốt và tập quán tốt. Mạnh-Tử có lẽ chịu ảnh-hưởng của bà mẹ, (chắc-độc-giả nhớ truyện Mạnh mâu ba lần đổi chỗ ở để giáo-hóa con) và nhớ kinh-nghiệm ở bản thân mình, nên đặc-biệt chú-trọng đến hoàn cảnh. Ông nói : « *Chỗ ở biến-đổi tính-khí, sự ăn uống biến đổi thân-thể, chỗ ở thực là quan-trọng* » (Tận tâm, thượng) (y) Ông nhận xét rất đúng : « *Năm được mùa tử để nhiều người tử tế, năm mất mùa thì tử để nhiều kẻ hung bạo* ». (Cáo tử, thượng) (z).

Tuân-Tử cũng nói : « *Cỏ bông sinh ở đám gai, không chống đỡ mà ngay, cát trắng ở bùn thì hóa đen (...); cho nên quân-tử ở tất chọn làng, chơi tất chọn kẻ sĩ, đề đề-phòng sự bậy bạ mà gần sự trung-chánh* » (Tuân-tử — Khuyến học).

Còn công-dụng giáo-hóa của tập quán đã được bày rõ trong ba chữ : « tập tương viễn » của Khổng-Tử, bốn chữ « tập tục di chí » của Tuân-Tử và trong câu Mạnh-Tử ví nhân tâm với một lối đi ở giữa rừng núi, hề dùng lâu thì thành đường mà bỏ lâu thì cỏ lấp (Mạnh-Tử — Tận tâm, hạ) (z1).

Vậy nhiệm-vụ của nhà cầm quyền là tạo những hoàn-cảnh tốt, rồi tập cho dân có những đức tốt. Những đức nào đáng luyện trước hết ? Theo sách

Nho giáo: một triết lý chính trị

Trung dung, Khổng Tử kể ra ba đức : Trí, nhân, dũng. (Chương 20). Mạnh-Tử lựa bốn đức : nhân, nghĩa, lễ, trí. (Mạnh-Tử — Công-Tôn-Sửu, thượng).

Sau, Đổng Trọng Thư đời Hán thêm đức tín nữa, cộng là năm đức và gọi là ngũ thường nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Ta nhận thấy ba nhà đó đều kể hai đức nhân và trí. Đặng thái Mai cho rằng đối với Khổng-Tử, nhân gồm cả lễ và tín.

« Trong Luận-ngũ, trả lời cho Phàn Trì, Khổng-Tử nói : « Nhân là yêu người », rồi thêm : « Cư xử phải kính, làm việc phải cẩn-thận, đối-đãi với người phải thực-thà ».

Nói với Tư-Mã-Ngưu : « Người nhân nói ra câu nào phải chắc-chắn ».

Với Trọng-Cung : « Đi ra cửa kính-cẩn như sắp tiếp một người khách quý, trị dân kính-cẩn như là lo việc tế-tự lớn. Việc gì mình không thích, đừng làm cho người khác phải chịu (...) »

Trả lời cho Nhan Uyên, người học-trò giỏi nhất của Khổng, Phu-tử nói « Đề nén mình theo lễ là nhân », (1)

Nếu ta lại nhớ câu Khổng-Tử đáp Tử Lộ rằng : « Khoan nhu mà dạy người, ngay thẳng với kẻ vô đạo, là cái cường của người phương Nam »

(1) Địa-vi Khổng-Tử trong Nho-giáo — Thanh-Nghị số 46.

(z2) thì ta thấy nhân là cường, là dũng nữa (*Trung-dung, chương 10*).

Vậy nhân là một thái độ đối với mình thì đè nén lòng dục để theo lẽ phải, quốc hữu đạo hay vô đạo cũng không thay đổi chí mình ; đối với người thì lễ mao, thành-thực, khoan hòa, bác ái. Song quan-niệm bác ái của đạo Nho khác đạo Da-Tô hay đạo Phật, không phải là một lòng hy-sinh hoàn-toàn cho người, mà là một lòng yêu người có tính-cách hợp-lý, mặc dầu nếu cần, người quân tử có thể « sát thân dĩ thành nhân » (1), cho nên có người hỏi nên lấy đức báo oán không. Khổng-Tử hỏi lại : « Thế thì lấy gì để báo đức ? » rồi khuyên « lấy đức để báo đức, lấy sự công bằng, ngay thẳng để báo oán » (z3) (*Luận ngữ — Hiến vấn*).

Muốn cho nhân có tính-cách hợp lý thì nhân phải đi với trí, đức quan-trọng thứ nhì của Nho-giáo. Nhưng sự mở-mang lý-trí tới một mực cao-xa thì chỉ có thể thực hành với hạng trung nhân dĩ thượng.

Về phương-pháp, Nho-giáo dùng cả phép trực-giác và phép suy luận.

Khi Khổng-Tử bảo Tăng-Sâm : « Đạo ta chỉ có một mối mà thông suốt hết », (z4), Tăng Sâm hiểu

(1) Theo tôi, chữ đó đủ cho đạo Khổng về phương diện bác ngang hàng với đạo Da-Tô và đạo Phật rồi.

rằng mỗi đó là trung thứ, tức là Khổng-Tử đã dùng trực-giác để dạy Tăng Sâm và Tăng Sâm đã hiểu bằng trực-giác.

Nhưng khi ông bảo « Giảng cho một góc rồi mà không suy ra được ba góc kia thì không giảng cho nữa (z5) (Luận ngữ — Thuật nhị) và : Học rộng mà phân giải cho rõ, ràng rồi nói lại mà tóm hết các đại yếu » là ông muốn môn đệ phải biết suy-luận. Cho nên Nhan Hồi nói « Phu-tử cứ tuần-tự dạy dỗ người, lấy văn học mà làm rộng sự kiến-thức của ta. » (z6) (Luận-ngữ—Tử hân).

Theo Lâm-Ngữ-Đường, Khổng-Tử còn nói một câu có thể ghi lên trang đầu những sách sư-phạm ngày nay : « Một ông thầy khéo hỏi học-trò thì theo cách của người bửa củi bắt đầu từ những cạnh nhọn của khúc củi và dành những mẩu lại cho lúc cuối cùng. Theo cách đó, thầy và trò đều giải được điều khó mà thấy vui thích. Ông thầy vụng hỏi thì làm ngược lại » (1)

Chứng-cứ minh bạch nhất là cuốn Đại học mở đầu bằng một trang trong đó phép suy-luận cực-kỳ khúc-chiết

« Cái đạo của bậc đại-học là ở sự làm sáng cái đức sáng, ở sự thân yêu người, ở sự đến chỗ

(1) La sagesse de Confucius Nhà xuất-bản Victor Attinger,

chí thiện mới thôi. Có biết đến cùng rồi sau mới có định, định rồi sau mới có thể tĩnh, tĩnh rồi sau mới có thể yên, yên rồi sau mới có thể tư lự tinh-tường, tư-lự tinh-tường rồi sau mới biết được cái hay, cái phải. Vật có gốc, có ngọn, sự có cuối có đầu, biết rõ trước sau tức thị là gần đạo.

« Đời xưa muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình ; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình ; muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình ; muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tính-thành cái ý của mình ; muốn làm cho tính-thành cái ý của mình thì trước hết phải có trí thức xác đáng. Trí thức xác đáng ở chỗ xét kỹ mọi vật.

Mọi vật đã xét kỹ thì sau trí thức mới xác-đáng ; trí-thức đã xác-đáng thì sau cái ý mới tính-thành ; cái ý đã tính-thành thì sau cái tâm mới chính ; cái tâm đã chính thì sau cái thân mới được sửa ; cái thân đã sửa thì sau nhà mới tề ; nhà đã tề thì sau nước mới trị ; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình. Từ thiên tử cho đến thứ dân đều phải lấy sự sửa mình làm gốc gốc loạn mà ngọn trị là điều chưa hề có ; cái gốc mình đáng hận mà lại bạc, cái ngọn mình đáng bạc mà tại hận là điều chưa hề có » (z7)

Tôi tưởng ngay trong sách triết-học của Âu, Mỹ cũng khó kiếm được một đoạn mà phép suy-luận

Nho giáo : một triết lý chính trị

có tính-cách toán-học tới như vậy. Và nếu độc giả cần thêm chứng-cứ nữa, thì xin mở bộ Mạnh Tử, sẽ thấy chương nào họ Mạnh cũng dùng phương-pháp đó để dẫn-dụ người khác theo đạo nhân nghĩa.

Chẳng qua bàn về đạo-đức thì có lúc phải dùng đến trực-giác, mà Khổng-Tử vốn là người ôn hòa, kính cẩn, ít giảng giải dài dòng cho nên lời của ông hàm-súc, sâu-sắc, làm cho ta tưởng lầm rằng ông chủ trương dùng trực-giác để dạy. Và như tôi đã nói ở đầu cuốn này, danh của ông lớn quá, người ta cứ cho Khổng-học là toàn thể Nho-học, rồi kết luận rằng Nho-giáo chủ-trương dùng trực-giác. Sự thực chưa hề có môn học nào mà không vừa dùng trực-giác vừa dùng suy-luận để dạy ; và Nho-giáo có lẽ là một triết-học trọng suy-luận nhất. Trần Trọng Kim viết :

« lối học của người Tàu, chủ ở sự phải suy-nghĩ ra mà hiểu, phải lấy ý mà hội, chứ không chủ ở sự theo lý-trí mà suy-luận và phụ-diễn hết cả ra văn từ » (Nho giáo—Lời phát-đoan, sách đã dẫn) Lối học chỉ trong câu đó, chắc chắn không phải là luôn luôn lối học của Nho-giáo.

KẾT

Nhiều người bảo Nho-giáo bây giờ không còn hợp thời nữa. Chính Trần Trọng-Kim là người hăng-hái bên vực nó nhất, cũng còn bảo « Nho-giáo (...) chỉ thi thố ra được ở thời đại nhân dân còn có tính chất phác, sự làm ăn còn giản dị; khi nhân trí đã biến thiên như thời nay thì cái học thuyết ấy vị tất đã có mấy người chịu theo, mà chịu theo nữa cũng chưa chắc đã theo được đúng (...) Nay ta ở vào thời-đại khoa-học đang tiến-bộ, ta không thể trở lại lối sinh-hoạt thời cổ được». (1)

Nếu áp dụng Nho giáo đúng từng chữ trong các Kinh, Thư, thì quả thật Nho giáo không còn hợp thời. Hợp thời làm sao được? Có triết-lý chính trị nào xây dựng để cho người hai ba ngàn năm sau dùng đâu? Nhưng nếu xét tinh thần của Nho-giáo thì tôi tưởng về nhiều điểm, Khổng-Tử vẫn còn xứng với cái danh « vạn thế sư biểu ».

Hiện nay các nước phương Tây như Pháp, Đức, Anh, Mỹ... đều có những hội nghiên-cứu phần cổ học đó của phương Đông và người ta

1. Nho giáo — Lời phát đoạn — Tân Việt.

Nho giáo : một triết-lý chính trị

nghiệm rằng sau kỳ đại-chiến vừa rồi cũng như sau kỳ đại-chiến thứ nhất, số người lưu tâm đến Nho-giáo tăng lên. Cứ theo bảng kê sách để tham-khảo ở cuối cuốn « Confucius » của Etiemble — (Club français du Livre — 1956) thì từ 1945 đến nay đã có khoảng một chục cuốn viết về đạo Nho (1). Ấy là không kể những tạp-chí cùng những sách mà ông cho là không có giá trị. Sở dĩ phong-trào nghiên cứu đạo Nho sau mỗi đại-chiến lại tiến lên bỗng-bột một phần là vì người phương Tây tò-mò muốn biết triết-lý của Nho-giáo ra sao mà tổ-chức được một xã-hội rộng lớn và lâu bền như vậy, trong hai ngàn năm không hề bị lung-lay như xã-hội Âu, Mỹ ngày nay.

-
- (1) Louen Yu, The Confucian Analects — của Arthur Waley
Londres 1945.
Confucius — của Alexis Rygaloff — P.U.F. Paris 1946.
Confucius, the Man and the Myth
và Chinese thought from Confucius to Mao Tse Tung
— của Herrlee G. Creel — The University of Chicago
Press 1953.
Le livre de la voie et de la vertu của J.J.L. Duyvendak
Paris 1953.
Deux sophistes chinois của Ignac Kou Pao-Ko κ. P.U.F.
Paris 1953.
La philosophie morale dans le néo — confucianisme — của Chow
Yih t'ing — P.U.F. Paris 1954.
Studies in Chinese thought của Arthur F. Wright — The
University of Chicago Press — 1953.
Tchou Hi contre le bouddhisme của Galen Eugen Sargent.
Imprimerie nationale Paris 1955
La sagesse de Confucius của Lin Yutang — Victor Attinger.
Paris 1949

Như tôi đã rón trình bày trong cuốn này, Nho giáo đặc-biệt ở chỗ nó không phải là một thần giáo, cũng không phải là một tôn-giáo mà là một truyền-thống của cả một dân-tộc, **một truyền thống chính-trị xây dựng trên đạo đức và lương-trị.**

Người Trung-Hoa tin rằng Trời sinh dân, cho dân bẩm-thụ cái thiện-tính, và muốn cho dân có hạnh-phúc. Muốn có hạnh-phúc, dân phải giữ trật-tự trong xã-hội; mà cái trật - tự tự-nhiên là hạng tài đức phải ở trên hạng thường dân. Cả hai hạng người đó đều phải theo chức-vụ của mình; nhất là hạng trên, hạng thay Trời, thay Vua để trị dân, càng phải làm tròn bổn-phận trước hết lo cho dân đủ ăn, đủ mặc, rồi giáo-hóa dân.

Tuy bất bình-đẳng về tài trí, địa vị, hai hạng người đó đều bình đẳng về pháp luật và quyền sống người trên mà tàn-bạo thì người dưới có quyền khinh-bĩ diệt trừ; và không có ai giàu quá, không có ai nghèo quá, người nào cũng phải có đủ phương-tiện nuôi cha già và con thơ.

Chính-sách giáo-hóa của Nho-giáo chú trọng đến nhân và trí (nhân gồm lễ, nghĩa, tín, dũng); đối với hạng trung nhân dĩ thượng thì dùng trực-giác và suy-luận mà giảng những điều cao xa để họ sáng-suốt thi-hành đức nhân trong nhiệm-vụ đất dân của họ.

Đại-đề chủ-trương của Nho-giáo như vậy : có giai-cấp mà là bình đẳng, quân chủ mà tựa như dân chủ, chuyên chế mà có vẻ tự-do, trọng cả đức lẫn trí, tinh-thần lẫn vật chất, rất hợp với bản-tính của người thường và rất thực tế.

Đứng về phương diện đạo đức hay triết-ly thuần túy mà xét thì tính-cách thực tế ấy làm cho đạo Nho không cao xa bằng Phật-giáo hay Đạo-giáo ; và nhiều người đã chê Nho-giáo như vậy. Nhưng xét cho kỹ thì họ vụng suy, vì muốn phê-bình đạo Nho, phải đứng về phương-diện chính - trị bản chất của nó chính là một triết lý chính trị. Mà đứng về phương diện này ta thấy nó đã chẳng thấp mà còn rất cao nữa : lý tưởng của nó trên hai ngàn năm nay nhân loại chưa thời nào thực hiện được hết và những ông vua nào chỉ theo được cái bá đạo của nhà Nho thôi như vua Đường Thái Tôn, vua Lê Thánh Tôn, cũng đã làm cho nước phú cường, dân vui sống, và được hậu thế ca tụng là minh quân rồi.

Trên hai ngàn năm nay, loài người càng tiến thì càng sa vào cái hố vật chất ; đạo Nho thời Xuân Thu, Chiến Quốc đã khó thực hành được, thì bây giờ lại càng khó thực-hành hơn nữa. Nhưng có vậy nó mới là một lý-tưởng, mà chúng ta ngày nay, và con cháu chúng ta sau này, mỗi lần đọc tứ thư ngũ kinh mới

có cái cảm-tưởng nhẹ nhàng như tấm trên một giòng suối trong. Nếu đọc mà chịu suy-nghĩ, so-sánh thì ta vẫn còn thấy ở trong những tác-phẩm bất-hủ của nhân loại ấy nhiều chân-lý chưa hề lung lay.

Hiện nay người ta chẳng rón thực-hành hai thuyết « phú chi, giáo chi » và « bất hoạn quả nhi hoạn bất quân » ở khắp thế-giới đó ư ?

PHẦN CHỮ HÁN

CHƯƠNG I

- a.—迷 而 不 作
- b.—皇 矣 上 帝，臨 下 有 赫，監 觀 四 方，求 民 之 莫
- c.—孝 者 所 以 事 君 也
- d.—人 道 政 為 大
- e.—古 之 欲 明 明 德 於 天 下 者，先 治 其 國，欲 治 其 國 者，先 齊 其 家，欲 齊 其 家 者，先 修 其 身

CHƯƠNG II

- a.—易 之 為 書 也 不 可 遠，為 道 也 屢 遷，變 動 不 居，周 流 六 虛
- b.—一 闔 一 闔 謂 之 變，往 來 不 窮 謂 之 通
- c.—天 子 祭 天 地，祭 四 方，祭 山 川，祭 五 祀...，諸 侯...祭 山 川，祭 五 祀，大 夫 祭 五 祀；士 祭 其 先
- d.—未 能 事 人，焉 能 事 鬼
- e.—事 死 如 事 生，事 亡 如 事 存，孝 之 至 也
- f.—三 后 在 天
- g.—文 王 陟 降 在 帝 左 右

PHIÊN ÂM NHỮNG CÂU Ở TRANG BÊN TRÁI

CHƯƠNG I

- a. —Thuật nhi bất tác.
- b. —Hoàng hỹ Thượng đế, lâm hạ hữ hách, giám quan tứ phương, cầu dân chi mạt.
- c. —Hiếu giả sở dĩ sự quân giả.
- d. —Nhân đạo chính vi đại.
- e. —Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc ; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia ; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân.

CHƯƠNG II

- a. —Dịch chi vi thư giả bất khả viễn, vi đạo giả lữ thiên, biến động bất cư, chu lưu lục hư.
- b. —Nhất hạp nhất tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi thông.
- c. —Thiên tử tế thiên địa, tế tứ phương, tế sơn xuyên, tế ngũ tự, ...; chư hầu... tế sơn xuyên, tế ngũ tự ; đại phu tế ngũ tự ; sĩ tế kỳ tiên.
- d. —Vị năng sự nhân, yền năng sự quý ?
- e. —Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí giả.
- f. —Tam hậu tại thiên,
- g. —Văn Vương trắc giảng tại Đế tả hữ.

h.—知死而死之，不仁而不可爲也，
知死而生之，不知而不可爲也。

i.—丘之禱久矣

j.—獲罪於天，無所禱也

k.—天視自我民視，天聽自我民聽

l.—天聰明自我民聰明

m.—民之所欲天必從之

CHUONG III

a.—天工人代之

b.—天佑下民作之君，作之師，惟其
克相上帝，寵綏四方。

c.—天不言，以行與事示之而已矣

d.—唐虞禪，夏后殷周繼，其義一也

e.—聞誅一夫紂矣，未聞弑君也

f.—韶盡美矣，又盡善也 武盡美
也，未盡善也。

g.—邦之不臧惟予一人有佚罰

h.—其爾萬方有罪，在予一人，予一
人有罪，無以爾萬方

i.—邦之不臧惟汝衆。

j.—誅暴國之君若誅獨夫

k.—爲人君止於仁

l.—堯舜帥天下以仁，而民從之。

m.—三代之得天下也以仁，失天下
也，以不仁。

- h. —Tri tử nhi tử chi, bất nhân nhi bất khả vi
giã; tri tử nhi sanh chi, bất trí nhi bất
khả vi giã.
- i. —Khâu chi đảo cửu hỹ.
- j. —Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo giã.
- k. —Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã
dân thính.
- l. —Thiên thông minh tự ngã dân thông minh.
- m. —Dân chi sở dục, thiên tất tòng chi.

CHƯƠNG III

- a. —Thiên công nhân đại chi.
- b. —Thiên hựu hạ dân tác chi quân, tác chi sư,
duy kỳ khắc tướng Thượng đế, sủng tuy tứ
phương.
- c. —Thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hỹ.
- d. —Đường Ngu thiên. Hạ Hậu Ân Chu kế, kỳ
nghĩa nhất giã.
- e. —Văn tru nhất phu Trụ giã, vị văn thi quân giã
- f. —Thiếu tận mỹ hỹ, hựu tận thiện giã; vũ tận mỹ
hỹ, vị tận thiện giã.
- g. —Bang chi bất tàng duy dư nhất nhân hữu dật
phạt.
- h. —Kỳ nhĩ vạn phương hữu tội, tại dư nhất nhân;
dư nhất nhân hữu tội, vô dĩ nhĩ vạn phương.
- i. —Bang chi tàng, duy nhữ chúng.
- j. —Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu.
- k. —Vi nhân quân chỉ ư nhân.
- l. —Nghieu, Thuấn soái thiên hạ dĩ nhân, nhi dân
tòng chi.
- m. —Tam đại chi đắc thiên hạ giã dĩ nhân, thất
thiên hạ giã dĩ bất nhân.

- n. 一定于一，…不嗜殺人 能一之
- o. 一愛與敬其政之本與
- p. 一子貢問政 子曰，足食，足兵，民信之矣。子貢曰，必不得已而去，於斯三者何先，曰去兵，子貢曰，必不得已而去，於斯二者何先 曰，去食，自古皆有死，民無信不立
- q. 一民之爲道也，有恆產者有恆心，無恆產者無恆心，苟無恆心，故無辟邪侈，無不爲己，及陷乎罪，然後從而刑之，是罔民也。
- r. 一勞之，來之，匡之，直之，輔之，翼之，使自得之，又從而振德之。
- s. 一政者正也，子帥以正，孰敢不正
- t. 一苟子之不欲，雖賞之，不竊
- u. 一其身正，不令而行，其身不正，雖令不從。
- v. 一君子之德風，小人之德草，草上之風必偃
- w. 一國君進賢，如不得已，左右皆曰賢，未可也，諸大夫皆曰賢，未可也；國人皆曰賢，然後察之；見賢焉，然後用之
- x. 一責難於君謂之恭，陳善閉邪謂之敬，吾君不能謂之賊。

- n.—Định vu nhất... Bất thị sát [nhân giả, năng nhất chi.
- o —Ái dĩ kính, kỳ chính chi bản dư ?
- p.—Tử-Cống vấn chính. Tử viết « Túc thực, túc binh, dân tin chi hỹ » Tử-Cống viết « Tất bất đắc dĩ nhi khứ, ư tư tam giả, hà tiên ? » Viết : « Khử binh » Tử-Cống viết « Tất bất đắc dĩ nhi khứ, ư tư nhị giả, hà tiên ? » Viết : « Khử thực. Tự cổ giai hữu tử dân, vô tín bất lập. »
- q.—Dân chi vi đạo giả, hữu hằng sản giả hữu hằng tâm, vô hằng sản giả vô hằng tâm ; cầu vô hằng tâm, phóng tịch tà xỉ, vô bất vi dĩ, cập hãm, hồ tội, nhiên hậu tòng nhi hình chi, thị võng dân giả.
- r.—Lao chi, lại chi, khuông chi, trực chi, phụ chi, dực chi, sử tự đắc chi, hựu tòng nhi chấn đức chi.
- s.—Chính giả, chinh giả. Tử suất dĩ chính, thực cảm bất chính ?
- t.—Cầu tử chi bất dực, tuy thưởng chi, bất thiết.
- u.—Ký thân chính, bất lệnh nhi hành ; kỳ thân bất chính, tuy lệnh, bất tòng.
- v.—Quân tử chi, đức phong, tiều nhân chi đức thảo, thảo thượng chi phong tất yển.
- w.—Quốc quân tiên hiền, như bất đắc dĩ. Tả hữu giai viết, hiền, vị khả giả ; chư đại phu giai viết hiền, vị khả giả ; quốc nhân giai viết hiền, nhiên hậu sát chi ; kiến, hiền yên, nhiên hậu dụng chi.
- x.—Trách nan ư quân, vị chi cung ; trần thiện bế tà, vị chi kính ; ngô quân bất năng, vị chi tặc.

- y. 一君不鄉道，不志於仁，而求富之，是富桀也
- z. 一君之視臣如犬馬，則臣視君如國人，君之視臣如土芥，則臣視君如寇讎

CHƯƠNG IV

- a. 一天尊地卑，乾坤定矣，卑高以陳，貴賤位矣
- b. 一有天地然後有萬物，有萬物然後有男女，有男女然後有夫婦，有夫婦然後有父子，有父子然後有君臣，有君臣然後有上下，有上下然後禮義有所錯
- c. 一有大人之事，有小人之事，或勞心，或勞力，勞心者治人，勞力者治於人，治於人者食人，治於人者食於人，天下之通義也
- d. 一天下有達尊三，爵一，齒一，德一，朝廷莫如爵，鄉黨莫如齒，輔世長民莫如德
- e. 一有天爵者，有人爵者，仁義忠信樂善不倦，此天爵也，公卿大夫此人爵也，古之人修其天爵以人爵從之，今之人修其天爵而棄其人爵，既得人爵而棄其天爵，則

- y.— Quân bắt hướng đạo, bắt chí ư nhân, nhi cầu phú chi, thị phú Kiệt già.
z.— Quân chi thị thần như khuyển mã, tặc thần thị quân như quốc nhân ; quân chi thị thần như thổ giới, tặc thần thị quân như khấu thù

CHƯƠNG IV

- a.— Thiên tôn địa ti, càn khôn định hỹ, ti cao dĩ trần, quý tiện vị hỹ.
b.— Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ, hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu phụ, hữu phu phụ nhiên hậu hữu phụ tử, hữu phụ tử nhiên hậu hữu quân thần, hữu quân thần nhiên hậu hữu thượng hạ, hữu thượng hạ nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thổ.
c.— Hữu đại nhân chi sự, hữu tiểu nhân chi sự... Hoặc lao tâm, hoặc lao lực ; lao tâm giả trị nhân lao lực giả trị ư nhân, trị ư nhân giả tự nhân, trị nhân giả tự ư nhân, thiên hạ chi thông nghĩa giả.
d.— Thiên hạ hữu đạt tôn tam tước nhất, xỉ nhất, đức nhất. Triều đình mạc như tước, hương đảng mạc như xỉ, phụ thế trưởng dân mạc như đức.
e.— Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả. Nhân nghĩa trung tín, lạc thiện bất quyện, thử thiên tước giả. Công/khanh, đại phu, thử nhân tước giả. Cồ chi nhân tu kỳ thiên tước nhi nhân tước tông chi, kim chi nhân tu kỳ thiên tước dĩ yêu nhân tước, ký đắc nhân tước nhi khí kỳ thiên tước, tặc hoặc chi thậm giả giả,

惑之甚者也，終亦必亡而已矣

f. — 彼以其富，我以吾仁，彼以其爵，我以吾義，吾何慊乎哉

g. — 天下有道，小德役大德，小賢役大賢，天下無道，小役大，弱役強

h. — 以德，則子事我者也，奚可以與我友

i. — 禮云，禮云，貴絕惡於未萌，而起敬於微眇，使民日徙善遠罪而不自知也

— 樂也者，動於內者也，禮也者，動於外者也，樂極和，禮極順

k. — 夫舜惡得而禁之，夫有所受之也

l. — 天下之本在國，國之本在家，家之本在身

m. — 君君，臣臣，父父，子子

n. — 父父，子子，兄兄，弟弟，夫夫，婦婦，而家道正，正家而天下定矣

o. — 其爲人也孝弟，而好犯上者鮮矣，不好犯上而好作亂者，未之有也。

CHƯƠNG V

a. — 凡人之知，能見已然，不見將然，禮者禁於將然之前，而法者禁於已然之後 禮云禮云貴絕惡於未

chung diệc tất vong nhi dĩ hỹ.

- f.— Bĩ dĩ kỳ phú, ngã dĩ ngô nhân ; bĩ dĩ kỳ tước, ngã dĩ ngô nghĩa ; ngô hà khiếm hồ tai ?
- g.— Thiên hạ hữu đạo, tiêu đức dịch đại đức, tiêu hiền dịch đại hiền ; thiên hạ vô đạo, tiêu dịch đại, nhược dịch cường.
- h.— Dĩ đức, tắc tử sự ngã giả iã. hề khả dĩ dĩ ngã hữu ?
- i.— Lễ vân, lễ vân, quý tuyệt ác ư vị manh, nhi khởi kinh ư vi điều, sử dân nhật đồ thiện viễn tội nhi bất tự tri giả.
- j.— Nhạc giả giả, động ư nội giả giả ; lễ giả giả, động ư ngoại giả giả, nhạc cực hòa, lễ cực thuận.
- k.— Phù Thuấn ô đắc nhi cấm chi ? Phù hữu sở thụ chi giả.
- l.— Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân.
- m.— Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.
- n.— Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chính, chính gia nhi thiên hạ định hỹ.
- o.— Kỳ vi nhân giả hiếu đễ, nhi hiếu phạm thượng giả, tiền hỹ ; bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu giả.

CHƯƠNG V

- a.— Phạm nhân chi tri, năng kiến dĩ nhiên, bất kiến tương nhiên. Lễ giả, cấm ư tương nhiên chi tiền, nhi pháp giả, cấm ư dĩ nhiên chi hậu... Lễ vân, lễ vân, quý tuyệt ác ư vị manh,

萌，而起敬於微眇，使民日徒善遠罪而不自知也。

b.—聽訟，吾猶人也，必也，使無訟乎

c.—聲色之於以化民，末也

d.—子路曰，衛君待子而為政，子將奚先，子曰，必也正名乎 子路曰，有是哉，子之迂也，奚其正。子曰野哉由也，君子於其所不知蓋闕如也。名不正則言不順。言不順則事不成，事不成則禮樂不興，禮樂不興則刑罰不中，刑罰不中則民無所措手足

e.—君子矜而不爭，羣而不黨

f.—天下有道，則庶人不議

g.—位卑而言高，罪也

h.—王何必曰利亦有仁義而已矣

i.—為政以德，譬如北辰居其所而衆星共之

j.—不仁而得天下未之有也

k.—孔子曰 求！君子疾夫舍曰欲之而必為之辭。丘也聞有國有家者不患寡而患不均；不患貧而患不安。蓋均無貧，和無寡，安無傾。夫如是，故遠人不服，則修文德以來之；既來之，則安之。今由與求也，相夫子，遠人不服，而不

- nhi khởi kính ư vi điều, sử dân nhật đồ thiện, viễn tội nhi bất tự tri giả.
- b.—Thính tụng, ngô do nhân giả ; tất giả, sử vô tụng hồ !
- c.—Thanh sắc chi ư dĩ hóa dân, mặt giả.
- d.—Tử-Lộ viết « Vệ quân dãi tử nhi vi chính tử tương hề tiên ? » Tử viết « Tất dã chính danh hồ ? ». Tử-Lộ viết « Hữu thị tai ? Tử chi vu giả ? Hề kỳ chính ? ». Tử viết « Dã tai Do giả. Quân tử ư kỳ sở bất tri, cái khuyết như giả. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trúng, hình phạt bất trúng tắc dân vô sở thõ thủ túc ».
- e.—Quân tử căng nhi bất tranh. quân nhi bất đảng.
- f.—Thiên hạ hữu đạo, tắc thứ nhân bất nghị.
- g.—Vị ti nhi ngôn cao, tội giả.
- h.—Vương hà tất viết lợi ? Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hỹ.
- i.—Vi chính dĩ đức, thí như bắc thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh cũng chi.
- j.—Bất nhân nhi đắc thiên hạ, vị chi hữu giả.
- k.—Khổng-Tử viết : Cầu ! Quân tử tạt phù xả viết dục chi nhi tất vi chi từ. Khâu giả văn : hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất yên ; cái quân vô bản, hòa vô quả, yên vô khuynh ; phù như thị, cố viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi, kỳ lai chi tắc yên chi. Kim Do dĩ Cầu giả, tương phu tử, viễn nhân bất phục nhi bất năng lai giả, bang phân băng

能來也，邦分崩離析而不能守也，而謀動干戈於邦內，吾恐季孫之憂不在顛隳，而在蕭牆之內也。

- l.—城郭不完，兵甲不多，非國之災也，田野不辟，貨財不聚，非國之害也，上無禮，下無學，賊民興，喪無日矣。
- m.—善戰者，服上刑。率土地而食人肉，罪不容於死。
- n.—爭地以戰，殺人盈野，爭城以戰，殺人盈城，此所謂率土地而食人肉，罪不容於死，故善戰者服上刑，連諸侯者次之，辟草萊，任土地者次之。
- o.—以力服人者，非心服也，力不贍也，以德服人者，中心悅而誠服也。
- p.—君子居之，何陋之有。
- q.—夷狄之有君，不如諸夏之亡也。
- r.—送往迎來，嘉善而矜不能，所以柔遠人也，繼絕世，舉廢國，治亂持危，朝聘以時，厚往而薄來，所以懷諸侯也。
- s.—大道之行也，天下為公，選賢與能，講信修睦，故人不獨親其親，不獨子其子，使老有所終，壯有所用，幼有所長，矜寡孤獨，廣

ly tích nhi bất năng thủ giã, nhi mưu động can qua ư bang nội, ngô cũng Quý Tôn chi ưu bất tại Xuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội giã.

- l.— Thành quách bất hoàn, binh giáp bất đa, phi quốc chi tai giã ; diên dã bất tịch, hóa tài bất tụ, phi quốc chi hại giã, thượng vô lễ, hạ vô học, tặc dân hưng, táng vô nhật hỹ.
- m.—Thiện chiến giả phục thượng hình.
Suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử.
- n.— Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã ; tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành, thử sở vị suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử cố thiện chiến giả phục thượng hình, liên chư hầu giả thứ chi, tịch thảo lai, nhiệm thổ địa giả thứ chi.
- o.— Dĩ lực phục nhân giả, phi tâm phục giã, lực bất thiệp giã ; dĩ đức phục nhân giả, trung tâm duyệt nhi thành phục giã.
- p.— Quân tử cư chi, hà lậu chi hữu?
- q.— Di, Địch chi hữu quân, bất như chư hạ chi vô giã.
- r.— Tống vãng nghinh lai, gia thiện nhi căng bất năng, sở dĩ nhu viễn nhân giã ; kế tuyệt thế, cử phế quốc, trị loạn, trừ nguy, triều sinh dĩ thời, hậu vãng nhi bạc lai, sở dĩ hoài chư hầu giã.
- s.— Đại đạo chi hành giã, thiện hạ vi công, tuyền hiền dĩ năng, giảng tín, tu lực, cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở

疾者皆有所養，男有分，女有歸，貨惡其棄於地也，不必藏於己，力惡其不出於身也，不必爲己，是故謀閉而不興，盜竊亂賊而不作，故外戶而不閉，是謂大同

今大道既隱，天下爲家，各親其親，各子其子，貨力爲己，大人世及以爲禮，城郭溝池以爲固，禮義以爲紀，以正君臣，以篤父子，以睦兄弟，以和夫婦，以設制度，以立田里，以賢勇知，以功爲己，故謀用是作，而兵由此起，禹湯文武成王周公由此其選也，此六君子者，未有不謹於禮者也，以其義，以考其信，著有過刑，仁講讓，示民有常，如有不由此者，在執者去，衆以爲殃，是謂小康

t.— 優優大哉，禮儀三百，威儀三千，待其人而後行

u.— 文武之政，布在方策，其人存則其政舉，其人亡則其政息；人道敏政，地道敏樹；夫政也者，蒲盧也，故爲政在人。

v.— 季康子問政於孔子曰，如殺無道以就有道，如何？孔子對曰，子爲政焉用殺，子欲善而民善矣

trưởng, cắng quả cô độc, phế tật giả giai hữu sở dưỡng, nam hữu phận, nữ hữu quy, hóa ố kỳ khí ư địa giả, bất tất tàng ư kỹ, lực ố kỳ bất xuất ư thân giả, bất tất vị kỹ, thì cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác, cố ngoại hộ nhi bất bế ; thị vị đại-đồng.

Kim đại đạo kỳ ần, thiên hạ vi gia, các thân kỳ thân, các tử kỳ tử, hóa lực vị kỹ, đại nhân thế cập dĩ vi lễ, thành quách cấu tri dĩ vi cố, lễ nghĩa dĩ vi kỹ, dĩ chinh quân thần, dĩ đốc phụ tử, dĩ mục huynh đệ, dĩ hòa phu phụ, dĩ thiết chế độ, dĩ lập điền lý, dĩ hiền dũng tri, dĩ công vị kỹ, cố mưu dụng thị tác, nhi bình do thử khởi, Vũ, Khang, Văn, Vũ, Thành-Vương, Chu-Công, do thử kỳ tuyền giả, thử lực quân tử giả, vị hữu bất cần ư lễ giả giả, dĩ trước kỳ nghĩa, dĩ khảo kỳ tin, trước hữu quá, hình nhân giảng nhượng, thị dân hữu thường, như hữu bất do thử giả, tại thể giả khứ, chúng dĩ vi ương, thị vị tiểu kháng.

t.— Ưu ưu đại tai ! lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên, đãi kỳ nhân nhi hậu hành.

u.— Văn, Vũ chi chính, bố tại phương sách ; kỳ nhân tồn tặc kỳ chính cử, kỳ nhân vong tặc kỳ chính tức. Nhân đạo mẫn chính, địa đạo mẫn thụ ; phù chính giả giả, bồ lư dã, cố vi chính tại nhân.

v.— Quý Khang-Tử vấn chính ư Khổng-Tử, viết « Như sát vô đạo dĩ tự hữu đạo, hà như ? » Khổng-Tử đối viết : « Tử vi chính, yèn dụng sát ? Tử dục thiện nhi dân thiện hỹ ».

w. — 夫人，幼而學之，壯而欲行 王
則曰：姑舍汝所學而從我，則
何如？

CHƯƠNG VI

a. — 子適衛，冉有僕 子曰庶矣哉，
冉有曰既庶矣，又何加焉 曰富
之，曰既富矣，又何加焉？曰教之。

b. — 足食，足兵，民信之矣

c. — 明君制民之產，必使仰足以事父
母，俯足以畜妻子，樂歲終身飽，
凶年免於死亡，然後驅而之善，
故民之從之也輕

d. — 君子平其政，行辟人可也，焉得
人人而濟之

e. — 不違農時，穀不可勝食也，數
罟不入洿池，魚鼈不可勝食也，斧
斤以時入山林，材木不可勝用也，
穀與魚鼈不可勝食，材木不可勝
用，是使民養生喪死無憾也，養
生喪死無憾，王道之始也。

五畝之宅樹之以桑，五十者，
可以衣帛矣；雞豚狗彘之畜，無
失其時，七十者可以食肉矣，百
畝之田，勿奪其時，數口之家，可
以無飢矣…七十者衣帛食肉，黎

w.—Phù nhân, ấu nhi học chi, tráng nhi dục hành chi. Vương tặc viết: « Cô xả nữ sở học nhi tông ngã», tặc hà như ?

CHƯƠNG VI

a — Tử thích Vệ, Nhiễm-Hữu bộc. Tử viết: « Thứ hỹ tai ! » Nhiễm-Hữu viết « Ký thứ hỹ, hựu hà gia yên ? » Viết: « Phú chi ». Viết: « Ký phú hỹ, hựu hà gia yên ? » Viết « Giáo chi »

b.— Túc thực, túc binh, dân tin chi hỹ.

c.— Minh quân chế dân chi sản, tất sử ngưỡng túc dĩ sự phụ mẫu, phủ túc dĩ súc thê tử, lạc tuế chung thân bảo, hung niên miễn ư tử vong, nhiên hậu khu nhĩ chi thiện, có dân chi tông chi giả khinh.

d.— Quân-tử bình kỳ chính, hành tị nhân khả giả, yên đắc nhân nhân nhi tế chi ?

e.— Bất vi nông thời, cốc bất khả thăng thực giả ; sắc cỗ bất nhập ô tri, ngư miết bất khả thăng thực giả ; phủ cân dĩ thời nhập sơn lâm, tài mộc bất khả thăng dụng giả. Cốc dữ ngư miết bất khả thăng thực, tài mộc bất khả thăng dụng, thị sử dân dưỡng sanh, táng tử, vô hám giả. Dưỡng sanh, táng tử, vô hám, vương đạo chi thủy giả.

Ngũ mẫu chi trạch, thụ chi dĩ tang, ngũ thập giả khả dĩ ý bạch hỹ ; kê đồn cầu trệ chi súc, vô thất kỳ thời, thất thập giả khả dĩ thực nhục hỹ ; bách mẫu chi điền vật đoạt kỳ thời, sở khẩu chi gia khả dĩ vô cơ hỹ... Thất thập giả

民不飢不寒，然而不王者，未之有也。

- f.—老而無妻曰鰥，老而無夫曰寡，老而無子曰獨，幼而無父曰孤，此四者，天下之窮民而無告者，文王發政施仁，必先斯四者。
- g.—今王鼓樂於此，百姓聞王鐘鼓之聲，管籥之音，舉欣欣然有喜色而相告曰吾王庶幾無疾病與，何以能鼓樂也；今王田獵於此，百姓聞王車馬之音，見羽旄之美，舉欣欣然有喜色而相告曰吾王庶幾無疾病與，何以能田獵也，此無他，與民同樂也。
- h.—文王之囿，方七十里，芻蕘者往焉，雉兔者往焉，與民同之，民以爲小，不亦宜乎？臣始至於境，問國之大禁，然後敢入，臣聞郊關之內，有囿方四十里，殺其麋鹿者，如殺人之罪，則是方四十里，爲阱於國中，民以爲大，不亦宜乎。
- i.—庖有肥肉，廄有肥馬，民有飢色，野有餓莩，此率獸而食人也。獸相食，且人惡之，爲民父母行

ý cầm thực nhục, lê dân bất cơ bất hàn, nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu giả.

- f. — Lão nhi vô thê viết quan, lão nhi vô phu viết quả, lão nhi vô tử viết độc, ấu nhi vô phụ viết cô ; thữ tứ giả, thiên hạ chi cùng dân nhi vô cáo giả, Văn-vương phát chính thi nhân, tất tiện tư tứ giả.
- g. — Kim vương cổ nhạc ư thữ, bách tính văn vương chung cổ chi thanh, quân thuộc chi âm, cử hân hân nhiên hữu hỉ sắc nhi tương cáo viết ; « Ngô vương thứ cơ vô tật bệnh dư, hà dĩ năng cổ nhạc giả ? » Kim vương điền liệt ư thữ, bách tính văn vương xa mã chi âm, kiến vũ mao chi mỹ, cử hân hân nhiên hữu hỉ sắc nhi tương cáo viết ; « Ngô vương thứ cơ vô tật bệnh dư, hà dĩ năng điền liệt giả ? » Thữ vô tha, dữ dân đồng lạc giả.
- h. — Văn vương chi hựu phương thất thập lý, sô nghiên giả vãng yên. trĩ t hổ giả vãng yên, dữ dân đồng chi, dân dĩ vi tiểu, bất diệc nghi hồ ? Thần thủy chí ư cảnh, vấn quốc chi đại cấm, nhiên hậu cảm nhập, Thần văn giao quan chi nội hữu hựu phương tứ thập lý, sát kỳ mi lộc giả như sát nhân chi tội, tắc thị phương tứ thập lý, vi tỉnh ư quốc trung, dân dĩ vi đại, bất diệc nghi hồ ?
- i. — Bào hữu phi nhục, ký hữu phi mã, dân hữu cơ sắc, dã hữu nga biểu, thữ suất thú nhi thực nhân giả ; thú tương thực, thả nhân ở chi ; vi dân phụ mẫu hành chính, bất miếu ư

政，不免於率獸而食人，惡在其爲民父母也。

- j.—有國有家者，不患寡而患不均，不患貧而患不安

CHƯƠNG VII

- a.—善政不如善教之得民也；善政民畏之，善教民愛之；善政得民財，善教得民心
- b.—默而識之，學而不厭，誨人不倦，何有於我哉
- .—我非生而知之者，好古敏以求之者也。
- d.—十室之邑，必有忠信如丘者焉，不如丘之好學也
- e.—吾嘗終日不食，終夜不寢，以思，無益，不如學也
- f.—加我數年卒以學易，可以無大過矣
- g.—喜怒哀樂之未發，謂之中，發而皆中節，謂之和，中也者，天下之大本也，和也者，天下之達道也。
- h.—好仁不好學，其蔽也愚，好智不好學，其蔽也蕩，好信不好學，其蔽也賊，好直不好學，其蔽也絞，好勇不好學，其蔽也亂，好剛不好學，其蔽也狂。

suất thú thực nhân, ô tại kỳ vi dân phụ mẫu
giã ?

j.—Hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi
hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn
bất an.

CHƯƠNG VII

a.—Thiện chính, bất như thiện giáo chi đắc dân
giã ; thiện chính dân úy chi, thiên giáo dân
ái chi ; thiện chính đắc dân tài, thiện giáo
đắc dân tâm.

b.—Mặc nhi thức chi, học nhi bất yếm, hối nhân
bất quyện, hà hữu ư ngã tai ?

c.—Ngã phi sinh như tri chi giả, hiếu cổ, mẫu
dĩ cầu chi giả giả.

d.—Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu
giã giả, bất như Khâu chi hiếu học giả.

e.—Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ
bất tầm, dĩ; tư vô ích, bất như học dã.

f.—Gia ngã sở niên. tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại
quá hỹ.

g.—Hĩ, nô, ai, lạc chi vị phát, vị chi trung ; phát
nhi giai trung tiết, vị chi hòa. Trung giả giả,
thiên hạ chi đại bản giả, hòa giả giả, thiên hạ
chi đạo đạo giả.

h.—Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tế giả ngu ; hiếu
trí bất hiếu học, kỳ tế giả đãng ; hiếu tín bất
hiếu học, kỳ tế giả tặc ; hiếu trực bất hiếu
học, kỳ tế giả, giáo ; hiếu dũng bất hiếu học,
kỳ tế giả loạn ; hiếu cương bất hiếu học, kỳ
tế giả cuồng.

- i.—古之教者，家有塾，黨有庠，
術有序，國有學
- j.—弟子入則孝，出則弟，謹而信，
汎愛衆，而親仁，行有餘力，
則以學文。
- .—志於道，據於德，依於仁，游於藝。
- l.—詩三百，一言以蔽之，曰 思無邪
- m.—詩可以興，可以觀，可以羣，可
以怨，邇之事父，遠之事君。
- n.—夫易開物，成務，冒天下之道，
如斯而已，是故聖人以通天下之
志，以定天下之業，以斷天之疑。
- o.—孔子成春秋，而亂臣賊子懼。
- p.—古之人未嘗不欲仕也，又惡
不由其道也
- q.—子貢曰，有美玉於斯，韞匱而
藏諸，求善賈而沽諸，子曰，
沽之哉，沽之哉，我待賈者也。
—天下有道，丘不與易也
- s.—人之生也直
- t.—性相近也，習相遠也
- u.—人性之善也猶水之就下也，
人無有不善，水無有不下
乃若其情則可以爲善矣，乃
所謂善也，惻隱之心，人皆有

- i.— Cổ chi giáo giã, gia hữu thực, đẳng hữu tường, thuật hữu tự, quốc hữu học.
- j.— Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tin, phiếm ái chúng, nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.
- k.— Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ.
- l.— Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết Tur vô tà.
- m.— Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhi chi sự phụ, viễn chi sự quân.
- n.— Phù dịch khai vật, thành vụ, mạo thiên hạ chi đạo, như tư nhi dĩ, thị cố thánh nhân dĩ thông thiên hạ chi chí, dĩ định thiện hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi.
- o.— Khổng-Tử thành Xuân-Thu, nhi loạn thần tặc tử cụ.
- p.— Cổ chi nhân vị thường bất dục sĩ giã, hựu ố bất do kỳ đạo giã.
- q.— Tử-Cống viết : « Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư ? cầu thiện giá nhi cô chư ? » Tử viết « Cô chi tai ! Cô chi tai ! Ngã dĩ giá giá giã. »
- r.— Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dữ dịch giã.
- s.— Nhân chi sinh giã trực.
- t.— Tính tương cận giã, tập tương viễn giã,
- u.— Nhân tính chi thiện giã, do thủy chi tựu hạ giã ; nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ. Nãi nhược kỳ tính tắc khả dĩ vi thiện hỹ, nãi sở vị thiện giã.
- Trắc ần chi tâm, nhân giai hữu chi ; tu ố chí tâm, nhân giai hữu chi ; cung kính chi tâm,

之，羞惡之心，人皆有之，恭敬之心，人皆有之，是非之心，人皆有之。惻隱之心，仁也，羞惡之心，義也，恭敬之心，禮也，是非之心，智也，仁義禮智，非由外鑠我也，我固有之也

- v. — 民可使由之，不可使知之
- w. — 終身由之而不知其道者衆也
- x — 舜發於畎畝之中，傳說舉於版築之間，膠鬲舉於魚鹽之中，百里奚舉於市 故天降大任於是人也，必先苦其心志，勞其筋骨，餓其體膚，空乏其身，行拂亂其所爲，所以動心忍性，曾益其所不能。
- y. — 居移氣，養移體，大哉居乎
- z. — 富歲子弟多賴，凶歲子弟多暴
- z¹ — 山徑之蹊間，介然用之而成路，爲間不用則茅塞之矣。
- z² — 寬柔以教，不報無道，南方之強也
- z³ — 或曰以德報怨何如，子曰何以報德，以直報怨，以德報德
- z⁴ — 吾道一以貫之
- z⁵ — 舉一隅不以三隅反，則不復也。
- z⁶ — 夫子循循然善誘人，博我以文，約我以禮

nhân giai hữu chi ; thị phi chi tâm, nhân
giai hữu chi. Trắc ần chi tâm, nhân giả ; tu
ố chi tâm, nghĩa giả cung kính chi tâm, lễ
giã ; thị phi chi tâm, trí giả. Nhân, nghĩa,
lễ, trí, phi do ngoại thước ngã giả, ngã cố
hữu chi giả.

- v.—Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi
w.—Chung thân do chi nhi bất tri kỳ đạo giả,
chúng giả.
x.—Thuần phát ư quyển mẫu chi trung. Phó
Duyệt cử ư bản trúc chi gian. Dao cách cử ư
ngư diêm chi trung. Bách Lý Hề cử ư thị.
Cố thiên tương giáng đại nhiệm ư thị
nhân giả, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân
cốt, nga kỳ thể phu, không phạm kỳ thân,
hành phát loạn kỳ sở vi, sở dĩ động tâm
nhân tính, tăng ích kỳ sở bất năng.
y.—Cư di khí, dưỡng di thể, đại tai cứ hồ !
z.—Phú tuế, tử đệ đa lại ; hung tuế, tử đệ đa bạo.
z1.—Sơn kính chi Khê gian, giới nhiên dụng
chi nhi thành lộ ; vi gian bất dụng tắc ,mao
tắc chi hỹ
z2.—Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, Nam
phương chi cường giả.
z3.—Hoặc viết « Dĩ đức báo oán, hà như ? » Tử
viết « Hà dĩ báo đức ? Dĩ trực báo oán, dĩ
đức báo đức ».
z4.—Ngô đạo nhất dĩ quán chi.
z5.—Cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản, tắc
bất phục giả.
z6.—Phu-tử tuần-tuần nhiên thiện dụ nhân, bác
ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ.

z7—大學之道，在明明德，在親民，在止於至善，知止而后定，定而后能靜，靜而后能安，安而后能慮，慮而后能得，物有本末，事有終始，知所先後，則近道矣。

古之欲明明德於天下者，先治其國，欲治其國者，先齊其家，欲齊其家者，先修其身，欲修其身者，先正其心，欲正其心者，先誠其意，欲誠其意者，先致其知，致知在格物。

物格而后知至，知至而后意誠，意誠而后心正，心正而后身修，身修而后家齊，家齊而后國治，國治而后天下平。

自天子以至於庶人，壹是皆以修身為本，其本亂而末治者否矣，其所厚者薄，而其所薄者厚，未

27.— Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí ư chi thiện. Tri chí nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc. Vật hữu bản末, lự hữu chung thủy tri tiên hậu, tắc cận đạo hỹ.

Cổ chi dục minh minh đức ư thiên-hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên lễ kỳ gia ; dục lễ kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân ; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm ; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý ; dục thành kỳ ý giả, tiên chí kỳ tri ; chí tri tại cách vật.

Vật cách nhi hậu tri chí, tri chí như hậu ý thành, ý thành như hậu tâm chính, tâm chính như hậu thân tu, thân tu như hậu gia lễ, gia lễ như hậu quốc trị, quốc trị như hậu thiên-hạ bình.

Tự Thiên-tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. Kỳ bản loạn nhi末 trị giả, phủ hỹ ; kỳ sở hậu giả bạc, kỳ sở bạc giả hậu, vị chí hữu giả.

MỤC LỤC

NO, Monday, August 13, 2018
5

Tựa

Chương I.— Tính-cách chính-trị của Nho-giáo.

- 1.— Nho giáo là một truyền-thống triết-lý 7
- 2.— Nho giáo có tính-cách chính-trị 10

Chương II.— Vũ-trụ theo Nho-giáo.

- 1.— Vũ-trụ 15
- 2.— Thượng-Đế 16
- 3.— Quỷ thần 17
- 4.— Người 20

Chương III.— Quốc-gia theo Nho-giáo.

- 1.— Trời đặt ra vua để làm lợi cho dân 23
- 2.— Vua có ba cách nhận quyền 24
 - a.— do vua trước nhường lại. 24
 - b.— do cha truyền lại 27
 - c.— do cách-mạng 28
- 3.— Trách nhiệm của vua. 30
- 4.— Tư cách của vua. 32
- 5.— Bản phận của vua. 35
- 6.— Bản-phận của đại-phu và kẻ sĩ 37

Chương IV.— Xã-hội của Nho-giáo.

- 1.— Nguyên-lý bất bình-đẳng 41
- 2.— Trật tự trong xã-hội. 44

3.— Xã-hội của Nho-giáo	46
4.— Bình-đăng về pháp-luật	48
5.— Gia tộc	50
Chương V — Chính-trị	
1.— Trọng lễ-nghĩa hơn pháp-luật	53
2.— Thuyết chính-danh	54
3.— Ghét chính-đảng	56
4.— Ghét bần về lợi	57
5.— Xét nhiệm-vụ, không xét quyền-lợi	59
6.— Ghét chiến-tranh, khinh vũ-lực.	60
7.— Đễ quốc theo Nho-giáo	64
8.— Thuyết Đại đồng	66
9.— Trọng người hơn trọng chế-độ	68
10.— Vương đạo, bá đạo.	70
Chương VI.— Chính-sách xã-hội	
1.— Phú rồi mới giáo.	75
2.— Chính sách xã hội có rất sớm.	76
3.— Chính-sách xã-hội của Mạnh Tử	77
4.— Phép tính điền	81
Chương VII.— Chính-sách giáo hóa.	
1.— Nho giáo rất trọng sự học	85
2.— Tổ chức học hiệu	87
3.— Khoa học, nghệ thuật đều có tính cách đạo đức	89
4.— Học là để hành	91
5.— Hai hạng người	92
6.— Hai lối dạy	94
Kết	101
Phần chữ Hán và phiên âm	106
Mục-lục	134

ĐÍNH - CHÍNH

Những số hàng có chữ d, xin đọc từ dưới lên.

Trang	Hàng	Sai	Đ ú n g
32	4 d	Lương-Huệ Tương	Lương-Huệ- Vương Thêm số 7 đậm ở giữa hàng để chỉ số tiết
64	đầu		giã, hề
115	7	iã, hề	giã, hề
125	9	quản thuộc	quản thực
127	18	dĩ ; tư	dĩ tư,

ĐÃ XUẤT BẢN

TỰ HỌC ĐỀ THÀNH-CÔNG. (In lần thứ nhì)	46đ
BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG THÁP MƯỜI (sắp hết)	29đ
LỊCH-SỬ THẾ-GIỚI (In lần thứ nhì—Trọn bộ 4 cuốn)	154đ
ĐẠI-CƯƠNG VĂN HỌC SỬ TRUNG QUỐC (trọn bộ 3 cuốn)	215đ
TỰ-DO CÁ-NHÂN của Trần-thúc-Linh (sắp hết)	32đ
BÍ QUYẾT ĐỀ THI ĐẠU (tái-bản)	20đ
MUỐN GIỎI TOÁN HÌNH HỌC PHẪNG (In lần thứ tư)	50đ
MUỐN GIỎI TOÁN HÌNH-HỌC KHÔNG-GIAN (sắp hết)	44đ
THƠ NGHIÊN HOA MỘNG của Hư-Chu	28đ
NGHỀ VIẾT VĂN (sắp hết)	50đ
GIÚP CHỒNG THÀNH CÔNG (In lần thứ nhì)	58đ
ĐỒNG-KINH NGHĨA-THỰC	34đ
RÈN NGHỊ-LỰC ĐỀ LẬP THẬN (sắp hết)	30đ
LUYỆN VĂN Cuốn II	48đ
LUYỆN VĂN Cuốn III	48đ
KIM-CHI-NAM CỦA HỌC-SINH (In lần thứ ba)	45đ
TIẾNG VÔNG ĐUA (Thơ của Bằng Bá-Lân)	38đ
ĐẶC NHÂN-TÂM (In lần thứ bảy)	68đ
LUYỆN TINH-THẦN của Dorothy Carnegie	50đ

Tinh-thần trách-nhiệm, tinh-thần hoạt-dộng, tinh-thần lành-mạnh, tinh-thần hiền-người, tinh-thần trẻ-trung mà già-giỏi.

TÌM HIỂU TÂM-LÝ TRẺ EM của Thiên-Giang	61đ
HỌ LẬP NÊN SỰ NGHIỆP CÁCH NÀO ?	35đ
ĐỀ HIỂU THƠ ĐƯƠNG LUẬT của Hư-Chu	40đ
PHU HUYNH NÊN BIẾT của Thiên-Giang	28đ
MUỐN GIỎI TOÁN ĐẠI-SỐ của Nguyễn Hiên-Lê	50đ
<i>Một cuốn sách toán dễ hiểu, vấn tắt mà đầy đủ, dẫn Học-sinh từng bước để có kết quả chắc chắn, gồm trên 500 bài toán có chỉ-dẫn phân loại.</i>	
TỔ CHỨC CÔNG VIỆC THEO KHOẢ HỌC của Ng. Hiên-Lê	
NHO GIÁO : MỘT TRIẾT-HỌC CHÍNH-TRỊ của Ng. Hiên-Lê	
THUYỀN THƠ Thi tuyển của Đông Xuyên	30đ

SẮP XUẤT BẢN

THỜI MỚI, DẠY CON THEO LỐI MỚI của Ng. Hiên-Lê	
SỐNG 365 NGÀY MỘT NĂM của Nguyễn Hiên-Lê.	
GUƠNG DANH NHÂN	